

**BỘ TÀI CHÍNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **5626**/BTC- KTN  
V/v thẩm định dự thảo Nghị định  
quy định chi tiết trình tự, thủ tục  
lập dự toán, thanh toán kinh phí  
chi trả chi phí tổ tụng.

Hà Nội, ngày **28** tháng 4 năm 2025

Kính gửi: Bộ Tư pháp.

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 470/QĐ-TTg ngày 28/02/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp bất thường lần thứ 9 và Pháp lệnh Chi phí tổ tụng năm 2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (tại điểm 6 Phụ lục kèm theo Quyết định số 470/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Tài chính phối hợp với các Bộ và cơ quan liên quan xây dựng Nghị định quy định chi tiết trình tự, thủ tục lập dự toán, thanh toán kinh phí chi trả chi phí tổ tụng)

Ngày 08/4/2025, Văn phòng Chính phủ có công văn số 2922/VPCP-KTTH thông báo ý kiến của Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Đức Phớc đồng ý với đề nghị của Bộ Tài chính về việc xây dựng Nghị định theo trình tự, thủ tục rút gọn, bảo đảm theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Để đảm bảo thời gian trình Chính phủ về dự thảo Nghị định theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 470/QĐ-TTg, Bộ Tài chính đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định hồ sơ xây dựng, ban hành Nghị định nêu trên và gửi về Bộ Tài chính **trước ngày 07 tháng 5 năm 2025**. Tài liệu kèm theo gồm: (1) Tờ trình Chính phủ về dự thảo Nghị định; (2) Dự thảo Nghị định; (3) Bảng tổng hợp ý kiến tham gia của các bộ, cơ quan và địa phương.

Bộ Tài chính rất mong nhận được sự quan tâm, phối hợp của Quý Bộ.

Trân trọng cảm ơn./. *d*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó TTgCP Hồ Đức Phớc (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- TANDTC; VKSNDTC;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ NSNN; Vụ PC;
- Lưu: VT, KTN (**02** bản).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**  
*S. T. C.*  
**Lê Tấn Cận**



Số: 168 /TTr-BTC

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2025

## TỜ TRÌNH

Về dự thảo Nghị định quy định chi tiết trình tự, thủ tục lập dự toán,  
thanh toán kinh phí chi trả chi phí tổ tụng  
(Tài liệu phục vụ thẩm định Bộ Tư pháp)

Kính gửi: Chính phủ.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025<sup>1</sup>, Pháp lệnh Chi phí tố tụng số 05/2024/UBTVQH15 ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quyết định số 470/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp bất thường lần thứ 9 và Pháp lệnh Chi phí tố tụng năm 2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Bộ Tài chính đã xây dựng dự thảo Nghị định quy định chi tiết trình tự, thủ tục lập dự toán, thanh toán kinh phí chi trả chi phí tố tụng (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị định). Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH****1. Thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước**

a) Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới đã đặt ra nhiệm vụ và giải pháp về hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, hiệu quả, bảo đảm yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững: "... tập trung hoàn thiện pháp luật trên tất cả các lĩnh vực, tháo gỡ kịp thời khó khăn, vướng mắc, khơi dậy, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho phát triển nhanh và bền vững của đất nước..."<sup>2</sup>

b) Nghị quyết số 158/2024/QH15 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2025 đã đặt ra nhiệm vụ, giải pháp về tháo gỡ thể chế, khắc phục điểm nghẽn; đẩy mạnh hơn nữa việc rà soát, bổ sung, hoàn thiện thể chế, pháp luật, cơ chế, chính sách gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực hiện pháp luật<sup>3</sup>.

**2. Thể chế hóa kịp thời quy định tại Pháp lệnh Chi phí tố tụng năm 2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội**

<sup>1</sup> Điểm a khoản 1 Điều 14 Luật ban hành VBQPPL quy định: Chính phủ ban hành Nghị định để quy định Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước

<sup>2</sup> Điểm 3 Phần IV Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022

<sup>3</sup> Điểm 3.1 Điều 3 Nghị quyết số 158/2024/QH15



Hiện nay, việc thanh toán chi phí tố tụng đang được thực hiện theo quy định tại Pháp lệnh Chi phí giám định, định giá; chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch trong tố tụng (ngày 28/3/2012), Nghị định số 81/2014/NĐ-CP ngày 14/8/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh chi phí giám định, định giá; chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch trong tố tụng, các Thông tư của Bộ Tài chính quy định về việc lập dự toán, chấp hành và quyết toán kinh phí NSNN để thực hiện chi trả chi phí tố tụng<sup>4</sup>. Trong quá trình triển khai thực hiện việc thanh toán, chi trả chi phí tố tụng của Tòa án nhân dân được thực hiện theo đúng quy định và về cơ bản không có phát sinh vướng mắc.

Theo báo cáo của Tòa án nhân dân tối cao<sup>5</sup>, chi phí tố tụng và thủ tục thanh toán chi phí tố tụng lại được quy định ở nhiều văn bản khác nhau, cụ thể: chi phí cho luật sư, trợ giúp viên pháp lý trong trường hợp chỉ định người bào chữa được quy định trong pháp luật về luật sư, trợ giúp pháp lý; chi phí uỷ thác tư pháp ra nước ngoài được quy định trong pháp luật về tương trợ tư pháp...gây ra khó khăn trong việc tra cứu, áp dụng. Một số chi phí tố tụng chưa được quy định cụ thể nên cơ quan tiến hành tố tụng không thực hiện được việc thanh toán, thủ tục thanh toán không thống nhất như chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, xem xét tại chỗ, chi phí cho người chứng kiến.

Pháp lệnh Chi phí tố tụng năm 2024 (thay thế Pháp lệnh Chi phí giám định, định giá; chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch trong tố tụng năm 2012) đã quy định chi tiết 09 loại chi phí tố tụng (nhiều hơn Pháp lệnh năm 2012); trong đó, tại khoản 2 Điều 72 Pháp lệnh Chi phí tố tụng năm 2024 quy định: *“Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục lập dự toán, thanh toán kinh phí chi trả chi phí tố tụng”*.

Do đó, việc trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết trình tự, thủ tục lập dự toán, thanh toán kinh phí chi trả chi phí tố tụng là cần thiết và có cơ sở pháp lý.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH**

### **1. Mục đích**

Dự thảo Nghị định được xây dựng và ban hành nhằm mục đích cụ thể hóa các quy định tại Pháp lệnh Chi phí tố tụng năm 2024 về trình tự, thủ tục lập dự toán, thanh toán kinh phí chi trả chi phí tố tụng; tạo cơ sở pháp lý cho các cơ quan, đơn vị thực hiện thống nhất trong quá trình triển khai thực hiện.

### **2. Quan điểm xây dựng Nghị định**

a) Việc xây dựng dự thảo Nghị định đảm bảo tính thống nhất đồng bộ với các văn bản pháp luật hiện hành và đáp ứng được yêu cầu thực tiễn hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng.

<sup>4</sup> Thông tư số 191/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 12/12/2014 hướng dẫn về thù lao và thanh toán chi phí cho luật sư; Thông tư số 215/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về lập dự toán, chấp hành và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm hoạt động trung cầu giám định, định giá, triệu tập người làm chứng, người phiên dịch của cơ quan tiến hành tố tụng; Thông tư số 30/2020/TT-BTC ngày 17/04/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của Hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tố tụng hình sự và Nghị định số 97/2019/NĐ-CP ngày 23/12/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 30/2018/NĐ-CP.

<sup>5</sup> Văn bản số 114/TANDTC-PC ngày 17/4/2025



b) Kế thừa các quy định hiện hành còn phù hợp tại các văn bản quy định hiện này về thanh toán chi phí tố tụng; đồng thời, rà soát bổ sung các nội dung mới đảm bảo hướng dẫn đầy đủ các nội dung quy định tại Pháp lệnh Chi phí tố tụng năm 2024.

### III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 470/QĐ-TTg ngày 28/02/2025 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính đã có công văn số 2756/BTC-KTN ngày 07/03/2025 và số 3320/BTC-KTN ngày 19/3/2025 gửi Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp đề nghị đề xuất các nội dung cần quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục lập dự toán, thanh toán kinh phí chi trả chi phí tố tụng để Bộ Tài chính tổng hợp, xây dựng dự thảo Nghị định.

Đồng thời, Bộ Tài chính đã có công văn 2755/BTC-KTN ngày 07/3/2025 và số 4061/BTC-KTN ngày 31/3/2025 báo cáo Thủ tướng Chính phủ đề xuất áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, trình ban hành Nghị định.

2. Để đảm bảo tiến độ trình Chính phủ về dự thảo Nghị định, Bộ Tài chính đã có công văn số 3699/BTC-KTN ngày 26/03/2025 gửi lấy ý kiến Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương đề nghị tham gia ý kiến về dự thảo Nghị định; đồng thời đăng tải dự thảo Nghị định trên cổng thông tin điện tử của Chính phủ để lấy ý kiến rộng rãi theo quy định.

3. Ngày 08/4/2025, Văn phòng Chính phủ có công văn số 2922/VPCP-KTTH thông báo ý kiến của Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Đức Phớc đồng ý với đề nghị của Bộ Tài chính về việc xây dựng Nghị định theo trình tự, thủ tục rút gọn, bảo đảm theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

4. Trên cơ sở tổng hợp ý kiến tham gia bằng văn bản của các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương về nội dung dự thảo Nghị định; Bộ Tài chính đã có công văn số .... /BTC-KTN ngày .... /4/2025 gửi lấy ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp về dự thảo Nghị định theo quy định.

5. Bộ Tư pháp đã tổ chức họp Hội đồng thẩm định dự thảo Nghị định ngày ..... /..... /2025 và có Báo cáo thẩm định số .... /BCTĐ-BTP ngày .... /..... /2025 về dự thảo Nghị định.

### IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

#### 1. Bố cục:

Dự thảo Nghị định gồm 03 Chương, 12 Điều; trong đó:

- Chương I: Quy định chung, gồm 3 điều (**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh; Điều 2. Đối tượng áp dụng; Điều 3. Lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí chi trả chi phí tố tụng**).

- Chương II: Quy định thủ tục thanh toán chi phí tố tụng giữa cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng với cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động



tổ tụng, gồm 8 Điều (**Điều 4.** Thủ tục thanh toán chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; **Điều 5.** Thủ tục thanh toán chi phí định giá tài sản; **Điều 6.** Thủ tục thanh toán chi phí giám định; **Điều 7.** Thủ tục thanh toán chi phí cho Hội thẩm; **Điều 8.** Thanh toán chi phí cho luật sư, trợ giúp viên pháp lý, bào chữa viên nhân dân trong trường hợp chỉ định người bào chữa trong tố tụng hình sự; **Điều 9.** Thanh toán chi phí cho người làm chứng, người chứng kiến, người phiên dịch, người dịch thuật; **Điều 10.** Thanh toán chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài; **Điều 11.** Thanh toán chi phí tham gia phiên tòa, phiên họp giải quyết vụ việc, vụ án).

- Chương III: Điều khoản thi hành, gồm 1 Điều (**Điều 12.** Hiệu lực thi hành).

## 2. Nội dung cơ bản

Theo quy định tại Điều 3 Pháp lệnh Chi phí tố tụng, Chi phí tố tụng bao gồm 09 loại chi phí gồm: (1) Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; chi phí xem xét tại chỗ; (2) Chi phí định giá tài sản; (3) Chi phí giám định; (4) Chi phí cho Hội thẩm; (5) Chi phí cho luật sư, trợ giúp viên pháp lý, bào chữa viên nhân dân; (6) Chi phí cho người làm chứng, người chứng kiến; (7) Chi phí cho người phiên dịch, người dịch thuật; (8) Chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài; (9) Chi phí tham gia phiên tòa, phiên họp giải quyết vụ việc, vụ án.

Hiện nay, nội dung về trình tự, thủ tục lập dự toán, thanh toán kinh phí chi trả chi phí tố tụng đang được quy định tại Nghị định số 81/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh chi phí giám định, định giá; chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch trong tố tụng và các Thông tư của Bộ Tài chính quy định về việc lập dự toán, chấp hành và quyết toán kinh phí NSNN để thực hiện chi trả chi phí tố tụng. Do đó, trên cơ sở tiếp thu toàn bộ ý kiến của Tòa án nhân dân tối cao<sup>6</sup>, Bộ Tài chính đề nghị quy định tại dự thảo Nghị định theo hướng kế thừa các nội dung quy định còn phù hợp tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, đồng thời, điều chỉnh, bổ sung một số nội dung để đảm bảo cụ thể hóa các quy định tại Pháp lệnh Chi phí tố tụng năm 2024 (bổ sung quy định về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; chi phí cho Hội thẩm, chi phí cho luật sư, trợ giúp viên pháp lý, bào chữa viên nhân dân; chi phí ủy thác ra nước ngoài; chi phí tham gia phiên tòa, phiên họp giải quyết vụ việc, vụ án). Cụ thể như sau:

2.1. Các nội dung kế thừa quy định tại Nghị định số 81/2014/NĐ-CP và có rà soát để chỉnh sửa, bổ sung:

- Điều 5, Điều 6 dự thảo Nghị định quy định về thủ tục thanh toán chi phí định giá tài sản, chi phí giám định kế thừa quy định tại Nghị định số 81/2014/NĐ-CP, đồng thời có rà soát, chỉnh sửa về thời hạn thanh toán cho các tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động định giá, giám định là 10 ngày (Điều 8, Điều 14 Nghị định số 81/2024/NĐ-CP đang quy định là 15 ngày) theo đề nghị của Tòa án nhân dân tối cao.

- Điều 9 dự thảo Nghị định quy định về thủ tục thanh toán chi phí cho người làm chứng, người chứng kiến, người phiên dịch, người dịch thuật kế thừa toàn bộ quy định tại Điều 19 Nghị định số 81/2014/NĐ-CP.

2.2. Các nội dung quy định mới để cụ thể hóa quy định tại Pháp lệnh Chi

<sup>6</sup> Văn bản số 144/TANDTC-KHTC ngày 17/4/2025



phí tố tụng năm 2024:

Dự thảo Nghị định bổ sung quy định về thủ tục thanh toán cho 05 loại chi phí mới được quy định tại Pháp lệnh Chi phí tố tụng năm 2024. Nội dung quy định trên cơ sở tiếp thu toàn bộ đề nghị của Tòa án nhân dân tối cao, cụ thể:

- Điều 4 dự thảo Nghị định quy định về thủ tục thanh toán chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí xem xét tại chỗ; Điều 7 dự thảo Nghị định quy định thủ tục thanh toán chi phí cho Hội thẩm; Điều 8 dự thảo Nghị định quy định thủ tục thanh toán chi phí cho luật sư, trợ giúp viên pháp lý trong trường hợp chỉ định người bào chữa trong tố tụng hình sự; Điều 11 dự thảo Nghị định quy định về chi phí tham gia phiên tòa: Nội dung dự thảo Nghị định quy định về hồ sơ, thủ tục thanh toán trên cơ sở tham khảo, kế thừa quy định tại Nghị định số 81/2014/NĐ-CP.

- Điều 10 dự thảo Nghị định quy định thủ tục thanh toán chi phí uỷ thác tư pháp ra nước ngoài theo hướng thực hiện theo quy định của pháp luật về tương trợ tư pháp. Đồng thời, dự thảo Nghị định bổ sung quy định việc thanh toán chi phí này được thực hiện thông qua Cơ quan đại diện nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài theo thủ tục do Toà án nhân dân tối cao phối hợp với Bộ Ngoại giao quy định.

- Khoản 1 Điều 12 dự thảo Nghị định quy định hiệu lực thi hành của Nghị định là có hiệu lực từ ngày 01/7/2025 (để cùng thời điểm có hiệu lực của Pháp lệnh Chi phí tố tụng năm 2024).

## **V. NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO VIỆC THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH**

### **1. Về điều kiện bảo đảm về nguồn nhân lực**

Dự kiến khi Nghị định được ban hành, Tòa án nhân dân các cấp và các Bộ, địa phương và cơ quan có liên quan tham gia tiến hành tố tụng sử dụng bộ máy tổ chức và nguồn nhân lực hiện có để thực hiện, không làm tăng biên chế.

### **2. Về điều kiện bảo đảm về nguồn tài chính**

Điều kiện bảo đảm nguồn tài chính để bảo đảm thi hành Nghị định theo quy định tại Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn Luật. Theo đó, Tòa án nhân dân các cấp và các Bộ, địa phương và cơ quan có liên quan tham gia tiến hành tố tụng căn cứ theo dự toán kinh phí được giao hàng năm và khả năng cân đối của NSNN để quyết định việc bố trí kinh phí thực hiện đảm bảo đúng quy định.

## **VI. Ý KIẾN THAM GIA CỦA CÁC BỘ NGÀNH VÀ Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP**

### **1. Ý kiến các Bộ, ngành, địa phương**

Đến nay, Bộ Tài chính đã nhận được tổng số **63** ý kiến tham gia; gồm ý kiến của **22** Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, ý kiến của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Văn phòng Quốc hội; **41** địa phương. Trong đó, có **38** ý kiến thống nhất hoàn toàn với dự thảo Nghị định. Đối với các ý kiến tham gia cụ thể, Bộ Tài chính đã tổng hợp, tiếp thu, giải trình tại Phụ lục đính kèm.

### **2. Ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp**

*(Bộ Tài chính sẽ bổ sung sau khi có ý kiến của Bộ Tư pháp)*

## VII. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Căn cứ quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính trình Chính phủ xem xét thông qua nội dung dự thảo Nghị định.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định quy định chi tiết trình tự, thủ tục lập dự toán, thanh toán kinh phí chi trả chi phí tổ tụng (Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Nghị định, (2) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, (3) Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức liên quan về dự thảo Nghị định).

Bộ Tài chính xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

### Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Bộ trưởng Bộ Tài chính;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Vụ PC;
- Lưu: VT, KTN (1 bản) ✓



KT. BỘ TRƯỞNG  
THỦ TRƯỞNG

Lê Tấn Cận



Số: /2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

## DỰ THẢO 3

## NGHỊ ĐỊNH

**Quy định chi tiết trình tự, thủ tục lập dự toán, thanh toán  
kinh phí chi trả chi phí tổ tụng**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Pháp lệnh Chi phí tố tụng ngày 11 tháng 12 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết trình tự, thủ tục lập dự toán, thanh toán kinh phí chi trả chi phí tố tụng.

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định chi tiết trình tự, thủ tục lập dự toán, thanh toán kinh phí chi trả chi phí tố tụng.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Nghị định này áp dụng đối với các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc lập dự toán, thanh toán kinh phí chi trả chi phí tố tụng.

**Điều 3. Lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí chi trả chi phí tố tụng**

Việc lập dự toán, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí chi trả chi phí tố tụng thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan. Nghị định này hướng dẫn thêm một số nội dung sau:

**1. Lập dự toán**

Hàng năm, vào thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước, căn cứ tình hình chi trả chi phí tố tụng thực tế đã chi của năm trước và ước thực hiện năm hiện hành, dự kiến kế hoạch thực hiện các hoạt động tố tụng của năm kế hoạch, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng và các cơ quan có liên quan có trách nhiệm chi trả chi phí tố tụng lập dự toán kinh phí chi trả chi phí tố tụng theo quy định của Pháp lệnh Chi phí tố tụng của năm kế hoạch, tổng hợp vào dự toán của cơ quan, đơn vị



mình, gửi cơ quan quản lý cấp trên xem xét, tổng hợp chung vào dự toán của đơn vị dự toán cấp I gửi cơ quan tài chính cùng cấp trình cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

## 2. Phân bổ dự toán

Sau khi được Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân giao dự toán ngân sách, đơn vị dự toán cấp I ở trung ương và địa phương thực hiện phân bổ, giao dự toán ngân sách cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc và đơn vị thuộc ngân sách cấp dưới theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Trong đó, đối với nội dung phân bổ và giao dự toán chi thường xuyên để thực hiện chi trả chi phí tổ tụng được giao vào phần kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ của cơ quan, đơn vị.

## 3. Quyết toán

Kinh phí chi trả chi phí tổ tụng không được quyết toán cao hơn dự toán nhà nước giao trong năm. Số liệu quyết toán kinh phí chi trả chi phí tổ tụng phải được chi tiết theo mục lục ngân sách nhà nước.

Các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm quyết toán kinh phí thực hiện chi trả chi phí tổ tụng theo quy định tại Nghị định này và tổng hợp trong báo cáo quyết toán ngân sách hằng năm của cơ quan, đơn vị theo quy định của pháp luật về quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước, pháp luật về kế toán, các văn bản hướng dẫn và quy định pháp luật khác có liên quan.

## Chương II

### **QUY ĐỊNH THỦ TỤC THANH TOÁN CHI PHÍ TỔ TỤNG GIỮA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN TIẾN HÀNH TỔ TỤNG VỚI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG TỔ TỤNG**

**Điều 4. Thủ tục thanh toán chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; chi phí xem xét tại chỗ**

#### 1. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ

Sau khi kết thúc việc xem xét, thẩm định tại chỗ, người tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ thực hiện việc thanh toán chi phí cho người được mời tham gia xem xét, thẩm định tại chỗ; thanh toán chi phí sử dụng dịch vụ theo hợp đồng, thanh lý hợp đồng, hoá đơn, phiếu thu tiền sử dụng dịch vụ trong trường hợp sử dụng dịch vụ theo quy định tại Điều 15 Pháp lệnh Chi phí tổ tụng.

#### 2. Chi phí xem xét tại chỗ

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc việc xem xét tại chỗ, người được mời tham gia xem xét tại chỗ, người tiến hành xem xét tại chỗ gửi hồ sơ đề nghị thanh toán chi phí tới cơ quan có thẩm quyền tiến hành tổ tụng để làm thủ tục thanh toán.

3. Hồ sơ đề nghị thanh toán chi phí cho người được mời tham gia xem xét, thẩm định tại chỗ, người tiến hành xem xét tại chỗ bao gồm:

a) Giấy đề nghị thanh toán có các nội dung chính sau: Tên, địa chỉ, mã số thuế của người đề nghị thanh toán.

b) Tài liệu kèm theo Giấy đề nghị thanh toán là Giấy mời tham gia xem xét tại chỗ, bản chính các hoá đơn, chứng từ hợp pháp có liên quan để chứng minh các khoản chi phí cần thiết và hợp lý đã phát sinh khi được mời tham gia xem xét tại



chỗ hoặc khi tiến hành xem xét tại chỗ.

4. Trong thời hạn tối đa 10 ngày kể từ ngày nhận được đủ Hồ sơ đề nghị thanh toán, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tổ tụng có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, thanh toán chi phí cho người được mời tham gia xem xét, thẩm định tại chỗ; tham gia xem xét tại chỗ theo quy định.

#### **Điều 5. Thủ tục thanh toán chi phí định giá tài sản**

1. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có kết quả định giá, Hội đồng định giá tài sản gửi Hồ sơ đề nghị thanh toán chi phí định giá tới cơ quan có thẩm quyền tiến hành tổ tụng để làm thủ tục thanh toán.

2. Hồ sơ đề nghị thanh toán chi phí định giá bao gồm:

a) Giấy đề nghị thanh toán có các nội dung chính sau: Tên, địa chỉ, mã số thuế cá nhân đại diện Hội đồng định giá tài sản; tổng chi phí thực hiện định giá, số tiền đã được tạm ứng, số tiền còn được thanh toán và phương thức thanh toán.

b) Tài liệu kèm theo Giấy đề nghị thanh toán là văn bản yêu cầu định giá; bản chính các hoá đơn, chứng từ hợp pháp có liên quan để chứng minh các khoản chi phí cần thiết, phù hợp với các chi phí được xác định tại Điều 21, Điều 22, Điều 23 và Điều 24 Pháp lệnh Chi phí tổ tụng phát sinh trong quá trình thực hiện định giá.

3. Trong thời hạn tối đa 10 ngày kể từ ngày nhận được đủ Hồ sơ đề nghị thanh toán chi phí định giá, căn cứ vào kết quả định giá, kết quả xác định chi phí định giá và ý kiến của các cơ quan liên quan (nếu có), cơ quan có thẩm quyền tiến hành tổ tụng có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, thanh toán chi phí định giá cho Hội đồng định giá tài sản.

Trường hợp số tiền tạm ứng chi phí định giá đã thanh toán chưa đủ chi phí thì cơ quan tiến hành tổ tụng thanh toán phần còn thiếu đó.

Trường hợp số tiền tạm ứng vượt quá chi phí định giá thì Hội đồng định giá tài sản phải hoàn trả lại phần tiền chênh lệch trong thời hạn tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày gửi Hồ sơ đề nghị thanh toán chi phí định giá.

#### **Điều 6. Thủ tục thanh toán chi phí giám định**

1. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có kết quả giám định, tổ chức, cá nhân thực hiện giám định gửi Hồ sơ đề nghị thanh toán chi phí giám định tới cơ quan có thẩm quyền tiến hành tổ tụng để làm thủ tục thanh toán.

2. Hồ sơ đề nghị thanh toán chi phí giám định bao gồm:

a) Giấy đề nghị thanh toán có các nội dung chính sau: Tên, địa chỉ, mã số thuế của tổ chức, cá nhân thực hiện giám định; tổng chi phí thực hiện giám định; số tiền đã được tạm ứng; số tiền còn được thanh toán và phương thức thanh toán.

b) Tài liệu kèm theo Giấy đề nghị thanh toán là bản chính các hoá đơn, chứng từ hợp pháp có liên quan để chứng minh các khoản chi phí cần thiết là hợp lý đã phát sinh trong quá trình giám định.

3. Trong thời hạn tối đa 10 ngày kể từ ngày nhận được đủ Hồ sơ đề nghị thanh toán chi phí giám định, căn cứ vào kết quả giám định, kết quả xác định chi phí giám định và ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có), cơ quan có thẩm quyền tiến hành tổ tụng có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, thanh toán chi phí giám định cho tổ chức, cá nhân đã thực hiện giám định.



Trường hợp số tiền tạm ứng chỉ phí giám định đã thanh toán chưa đủ chỉ phí thì cơ quan tiến hành tố tụng thanh toán phần còn thiếu đó.

Trường hợp số tiền tạm ứng vượt quá chỉ phí giám định thì tổ chức, cá nhân thực hiện giám định phải hoàn trả lại phần tiền chênh lệch trong thời hạn tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày gửi Hồ sơ đề nghị thanh toán chỉ phí giám định.

#### **Điều 7. Thủ tục thanh toán chỉ phí cho Hội thẩm**

1. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc phiên toà, Hội thẩm gửi Hồ sơ đề nghị thanh toán chỉ phí cho Hội thẩm tới Toà án để làm thủ tục thanh toán.

2. Hồ sơ đề nghị thanh toán chỉ phí cho Hội thẩm bao gồm:

a) Giấy đề nghị thanh toán có các nội dung chính sau: Tên, địa chỉ, mã số thuế của Hội thẩm.

b) Tài liệu kèm theo Giấy đề nghị thanh toán là bảng kê thời gian tham gia phiên toà, thời gian nghiên cứu hồ sơ của Hội thẩm có xác nhận của chủ tọa phiên toà; bản chính các hoá đơn, chứng từ hợp pháp có liên quan để chứng minh các khoản chi phí cần thiết và hợp lý đã phát sinh được quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 46 Pháp lệnh Chi phí tố tụng.

3. Trong thời hạn tối đa 10 ngày kể từ ngày nhận được đủ Hồ sơ đề nghị thanh toán, Toà án có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, thanh toán chỉ phí cho Hội thẩm.

#### **Điều 8. Thanh toán chỉ phí cho luật sư, trợ giúp viên pháp lý, bào chữa viên nhân dân trong trường hợp chỉ định người bào chữa trong tố tụng hình sự**

1. Thủ tục thanh toán chỉ phí cho luật sư, trợ giúp viên pháp lý trong trường hợp chỉ định người bào chữa được thực hiện theo quy định của pháp luật về luật sư và trợ giúp pháp lý.

2. Thủ tục thanh toán chỉ phí cho bào chữa viên nhân dân trong trường hợp chỉ định người bào chữa được thực hiện như sau:

a) Hồ sơ đề nghị thanh toán chỉ phí cho bào chữa viên nhân dân bao gồm:

Giấy đề nghị thanh toán có các nội dung chính sau: Tên, địa chỉ, mã số thuế của bào chữa viên nhân dân.

Tài liệu kèm theo Giấy đề nghị thanh toán là bảng kê thời gian làm việc của bào chữa viên nhân dân có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; bản chính các hoá đơn, chứng từ hợp pháp có liên quan để chứng minh các khoản chi phí cần thiết và hợp lý đã phát sinh được quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản 2 Điều 49 Pháp lệnh Chi phí tố tụng.

b) Sau khi kết thúc từng giai đoạn trong tố tụng (điều tra, truy tố, xét xử), bào chữa viên nhân dân gửi hồ sơ đề nghị thanh toán cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng yêu cầu cử người bào chữa là bào chữa viên nhân dân để làm thủ tục thanh toán.

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, thanh toán chỉ phí cho bào chữa viên nhân dân.

#### **Điều 9. Thanh toán chỉ phí cho người làm chứng, người chứng kiến, người phiên dịch, người dịch thuật**

1. Ngay sau khi kết thúc công việc làm chứng, chứng kiến, phiên dịch, dịch



thuật, người làm chứng, người chứng kiến, người phiên dịch, người dịch thuật gửi Hồ sơ đề nghị thanh toán tới cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng để làm thủ tục thanh toán.

2. Hồ sơ đề nghị thanh toán chi phí cho người làm chứng, người chứng kiến, người phiên dịch, người dịch thuật bao gồm:

a) Giấy đề nghị thanh toán chi phí cho người làm chứng, người chứng kiến, người phiên dịch, người dịch thuật có các nội dung chính sau: Tên, địa chỉ, mã số thuế của người đề nghị thanh toán; số tiền đề nghị thanh toán và phương thức thanh toán.

b) Tài liệu kèm theo Giấy đề nghị thanh toán là bản chính các hoá đơn, chứng từ hợp pháp có liên quan để chứng minh các khoản chi phí cần thiết và hợp lý đã phát sinh mà người làm chứng, người chứng kiến, người phiên dịch, người dịch thuật đã chi trả khi đến làm chứng, chứng kiến, phiên dịch, dịch thuật.

3. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm tiếp nhận Hồ sơ đề nghị thanh toán và kiểm tra tính đầy đủ, hợp pháp của hồ sơ. Trường hợp Hồ sơ đề nghị thanh toán chưa đáp ứng theo quy định tại khoản 2 Điều này thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải thông báo cho người đề nghị thanh toán được biết và nêu rõ lý do để bổ sung hồ sơ theo quy định. Trường hợp Hồ sơ đề nghị thanh toán đầy đủ, hợp pháp, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng thực hiện chi trả cho người làm chứng, người chứng kiến, người phiên dịch, người dịch thuật.

#### **Điều 10. Thanh toán chi phí uỷ thác tư pháp ra nước ngoài**

1. Thủ tục thanh toán chi phí uỷ thác tư pháp ra nước ngoài trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính, tố tụng hình sự được thực hiện theo quy định của pháp luật về tương trợ tư pháp.

2. Thủ tục thanh toán chi phí tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng ra nước ngoài trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính thông qua Cơ quan đại diện nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài được thực hiện theo thủ tục do Toà án nhân dân tối cao phối hợp với Bộ Ngoại giao quy định.

#### **Điều 11. Thanh toán chi phí tham gia phiên toà, phiên họp giải quyết vụ việc, vụ án**

1. Ngay sau khi kết thúc phiên toà, phiên họp giải quyết vụ việc, vụ án, những người được quy định tại khoản 1 Điều 69 Pháp lệnh Chi phí tố tụng gửi Hồ sơ đề nghị thanh toán tới cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng để làm thủ tục thanh toán.

2. Hồ sơ đề nghị thanh toán chi phí tham gia phiên toà, phiên họp giải quyết vụ việc, vụ án bao gồm:

a) Giấy đề nghị thanh toán chi phí tham gia phiên toà, phiên họp có các nội dung chính sau: Tên, địa chỉ, mã số thuế của người đề nghị thanh toán; số tiền đề nghị thanh toán và phương thức thanh toán.

b) Tài liệu kèm theo Giấy đề nghị thanh toán là bản chính các hoá đơn, chứng từ hợp pháp có liên quan để chứng minh các khoản chi phí cần thiết và hợp lý đã phát sinh mà người tham gia phiên toà, phiên họp đã chi trả khi đến phiên toà, phiên họp giải quyết vụ việc, vụ án.

3. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm tiếp nhận Hồ sơ đề nghị thanh toán và kiểm tra tính đầy đủ, hợp pháp của hồ sơ. Trường hợp Hồ sơ

đề nghị thanh toán chưa đáp ứng theo quy định tại khoản 2 Điều này thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải thông báo cho người đề nghị thanh toán biết và nêu rõ lý do để bổ sung hồ sơ theo quy định. Trường hợp Hồ sơ đề nghị thanh toán đầy đủ, hợp pháp, cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện chi trả chi phí tham gia phiên toà, phiên họp.

### **Chương III** **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 12. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.
2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.
3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTH (2).

**TM. CHÍNH PHỦ**  
**THỦ TƯỚNG**

**Phạm Minh Chính**

A N





**TỔNG HỢP, GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN VỀ DỰ THẢO  
NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHI TIẾT TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LẬP DỰ TOÁN, THANH TOÁN  
KINH PHÍ CHI TRẢ CHI PHÍ TỔ TỤNG**

(Kèm theo Tờ trình số TTr-BTC ngày /04/2025 của Bộ Tài chính)

Ngày 25/3/2025, Bộ Tài chính đã có công văn số 3699/BTC-KTN gửi lấy ý kiến Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở TW và đăng dự thảo Nghị định và dự thảo Tờ trình trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, của Bộ Tài chính để lấy ý kiến rộng rãi nhân dân về dự thảo Nghị định.

Đến ngày 20/4/2025, Bộ Tài chính đã nhận được 63 văn bản có ý kiến (22 Bộ, ngành, cơ quan TW, 41 địa phương). Trong đó: có 38 đơn vị cho ý kiến thống nhất với dự thảo, 25 đơn vị góp ý (54 ý kiến). Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, Bộ Tài chính đã tổng hợp đầy đủ các ý kiến góp ý và giải trình, tiếp thu ý kiến như sau:

STT	Điều, Khoản	Điểm, Khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
1	Góp ý chung		Bộ Tư pháp	Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, nghiên cứu thể chế hoá đầy đủ các chủ trương, chính sách của Đảng, trong đó đảm bảo dự thảo Nghị định và hồ sơ tuân thủ đúng và đầy đủ	Bộ Tài chính đã nghiên cứu, tiếp thu.
2			Bộ Tư pháp	Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo lấy ý kiến đối với các đối tượng chịu tác động, các Bộ, cơ quan theo quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL	Bộ Tài chính đã thực hiện lấy ý kiến theo quy định.
3			Bộ Tư pháp	Thực hiện rà soát đồng bộ đảm bảo phù hợp với thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản theo quy định	Bộ Tài chính đã tiếp thu, chỉnh sửa trong quá trình hoàn thiện trong dự thảo Nghị định.
4			Bộ Tư pháp	Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát các nội dung chi để thực hiện theo cơ chế khoán đối với một số nội dung chi.	Đề nghị giữ nguyên nội dung dự thảo. Do đề xuất không thuộc phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định.

STT	Điều, Khoản	Điểm, Khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
5	Góp ý chung		Bộ Tư pháp	Đề nghị cơ quan soạn thảo phối hợp chặt chẽ với Toà án nhân dân tối cao, chuyên gia, người làm thực tiễn rà soát, hoàn thiện, đảm bảo tính thống nhất, khả thi	Cơ quan soạn thảo đã có văn bản lấy ý kiến TANDTC và lấy ý kiến rộng rãi các đối tượng chịu tác động trực tiếp.
6			Bộ Nội Vụ	Đề nghị rà soát các quy định của dự thảo Nghị định bảo đảm đúng thẩm quyền được giao tại Pháp lệnh Chi phí tổ tụng năm 2024; tạo cơ sở pháp lý cho các cơ quan, đơn vị trong quá trình triển khai thực hiện; khắc phục một số tồn tại hạn chế trong triển khai thực hiện các hướng dẫn về lập dự toán, chấp hành và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm hoạt động trung cầu giám định, định giá, triệu tập người làm chứng, người phiên dịch của cơ quan tiến hành tố tụng hiện hành.	Bộ Tài chính đã tiếp thu, đảm bảo thực hiện đúng nhiệm vụ được giao tại Pháp lệnh Chi phí tố tụng.
7			Bộ Nội Vụ	Đề nghị báo cáo rõ về nguồn lực, điều kiện bảo đảm thực hiện Nghị định sau khi được ban hành, bảo đảm không làm tăng thêm đầu mối tổ chức và biên chế (người hưởng lương từ ngân sách nhà nước) theo đúng chỉ đạo tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.	Bộ Tài chính đã tiếp thu, hoàn thiện trong dự thảo Tờ trình xây dựng Nghị định.
8			Sở Tài chính Quảng Ngãi	Đề phù hợp với nội dung dự thảo Nghị định: Đề nghị bổ sung cụm từ “quyết toán” và “thanh toán” ở một số nội dung của dự thảo Nghị định (Tên gọi của dự thảo Nghị định, phần căn cứ, Điều 1, Điều 3)	Đề nghị giữ nguyên nội dung dự thảo. Thực hiện theo khoản 2 Điều 72 Pháp lệnh chi phí tố tụng quy định Chính phủ hướng dẫn "trình tự, thủ tục lập dự toán, thanh toán kinh phí chi trả chi phí tố tụng".



STT	Điều, Khoản	Điểm, Khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
9	Góp ý chung		Sở Tài chính TP. Hải Phòng	Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu xem xét quy định rõ chi phí tổ tụng nào thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương, chi phí tổ tụng nào thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương (nếu có); ngân sách địa phương có được hỗ trợ chi phí tổ tụng thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương hay không trong trường hợp các cơ quan, đơn vị như Tòa án nhân dân thành phố, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố...có đề nghị ngân sách địa phương hỗ trợ.	Đề nghị giữ nguyên nội dung dự thảo. Dự thảo Nghị định thực hiện theo quy định tại Pháp lệnh Chi phí tổ tụng số 05/2024/UBTVQH. Việc hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho các đơn vị của trung ương đề nghị thực hiện theo quy định chung của pháp luật về phân cấp NSNN.
10			Bộ Giáo dục và Đào tạo	Hiện dự thảo Nghị định đã quy định các nội dung chi trả chi phí tổ tụng nhưng chưa quy định mức chi. Đề nghị Quý Bộ nghiên cứu, bổ sung quy định về định mức chi tương ứng với từng nội dung chi để việc áp dụng Nghị định vào thực tế được thuận lợi, không cần phải ban hành thêm Thông tư hướng dẫn về định mức chi.	Đề nghị giữ nguyên nội dung dự thảo. Lý do: Tại dự thảo Nghị định đã quy định "Trình tự, thủ tục lập dự toán, thanh toán kinh phí chi trả chi phí tổ tụng thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn thi hành các Luật này. Nghị định này hướng dẫn thêm một số nội dung". Quy định về định mức chi đã có trong quy định của Luật Ngân sách nhà nước và những văn bản hướng dẫn thi hành.

STT	Điều, Khoản	Điểm, Khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
11	Về kết cấu dự thảo Nghị định		Toà án nhân dân tối cao	<p>Đề nghị xây dựng kết cấu dự thảo Nghị định gồm 03 chương:</p> <p>Chương 1. Quy định chung</p> <p>Chương 2. Lập dự toán, chấp hành và quyết toán kinh phí chi tổ tụng (Quy định về lập dự toán, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí chi trả chi phí tổ tụng của cơ quan tiến hành tố tụng với ngân sách nhà nước)</p> <p>Chương 3. Thủ tục thanh toán chi phí tổ tụng (quy định thủ tục thanh toán chi phí tổ tụng giữa cơ quan tiến hành tố tụng với cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động tố tụng).</p>	Bộ Tài chính tiếp thu, kết cấu dự thảo Nghị định thành 03 Chương, 12 Điều.
12			Toà án nhân dân tối cao	<p>Đề nghị xây dựng điều luật quy định thủ tục thanh toán các chi phí tổ tụng tại Điều 3 Pháp lệnh Chi phí tổ tụng theo hướng kế thừa các quy định về thủ tục thanh toán tại Nghị định số 81/2014/NĐ-CP còn phù hợp và quy định bổ sung thủ tục thanh toán đối với chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; chi phí cho Hội thẩm; chi phí cho luật sư, trợ giúp viên pháp lý, bào chữa viên nhân dân; chi phí uỷ thác tư pháp ra nước ngoài; chi phí tham gia phiên toà, phiên họp giải quyết vụ việc, vụ án đảm bảo thống nhất với Pháp lệnh Chi phí tổ tụng.</p>	Bộ Tài chính tiếp thu, kế thừa các nội dung về thủ tục thanh toán tại Nghị định số 81/2014/NĐ-CP còn phù hợp và quy định bổ sung thủ tục thanh toán 05 loại chi phí mới phát sinh.
13	Điều 1	Khoản 2	Bộ Quốc phòng	Đề nghị sử dụng thống nhất cụm từ " <i>Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng</i> " để phù hợp với Pháp lệnh chi phí tổ tụng	Bộ Tài chính đã tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo Nghị định



STT	Điều, Khoản	Điểm, Khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
14	Điều 1	Khoản 2	Viện KSNDTC	Đề nghị bổ sung cụm từ " <i>và các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng khác</i> " vào khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị định.	Đề nghị giữ nguyên nội dung dự thảo. Nội dung của dự thảo đã quy định đối tượng áp dụng là các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng.
15	Điều 2		Sở Tài chính Quảng Ngãi	Đề nghị điều chỉnh như sau: "Từ nguồn ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành."	Đề nghị giữ nguyên nội dung dự thảo. Dự thảo Nghị định đã quy định "Trình tự, thủ tục lập dự toán, thanh toán kinh phí chi trả chi phí tố tụng thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn thi hành các Luật này.
16	Điều 2		Bộ Tư pháp	Đề nghị không quy định về nguồn kinh phí chi trả vì nội dung này không thuộc phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định và đã được quy định tại Điều 71 Pháp lệnh chi phí tố tụng năm 2024	Bộ Tài chính đã tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo Nghị định.
17	Điều 3		Viện KSNDTC	Đề nghị sửa tên Điều 3 dự thảo Nghị định thành " <i>Lập dự toán, thanh toán kinh phí chi trả chi phí tố tụng</i> ".	Đề nghị giữ nguyên nội dung dự thảo. Lý do: do nội dung quy định tại Điều 3 bao gồm cả nội dung về phân bổ và quyết toán.
18	Điều 3		Toà án nhân dân tối cao	Đề nghị bổ sung khoản 3 Điều 3 "Kinh phí chi trả chi phí tố tụng không được quyết toán cao hơn dự toán nhà nước giao trong năm. Số liệu quyết toán kinh phí chi trả chi phí tố tụng phải được chi tiết theo mục lục ngân sách nhà nước."	Bộ Tài chính đã tiếp thu, bổ sung trong dự thảo Nghị định.

STT	Điều, Khoản	Điểm, Khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
19	Điều 3	Khoản 1	Sở Tài chính tỉnh Yên Bái	Tại Điều 3 của dự thảo về Lập dự toán, chấp hành và quyết toán kinh phí chưa quy định rõ các quy trình, tiêu chuẩn và thủ tục chi tiết để thực hiện công tác quyết toán. Sở Tài chính đề nghị bổ sung các quy định cụ thể về phần quyết toán kinh phí để đảm bảo tính chính xác, minh bạch và hiệu quả trong việc thực hiện.	Bộ Tài chính đã tiếp thu, bổ sung trong dự thảo Nghị định.
20	Điều 3	Khoản 1	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Theo quy định tại khoản 1 Điều 3 dự thảo Nghị định, chi phí được lập dựa trên chi phí tổ tụng thực tế đã chi của năm trước. Vậy năm thực hiện nếu có phát sinh tăng chi phí tổ tụng do có phát sinh các tổ tụng của năm thực hiện nhiều hơn năm trước thì đơn vị có được xin bổ sung thêm kinh phí hay không? Đề nghị Bộ Tài chính bổ sung thêm quy định về việc phát sinh tăng chi phí tổ tụng trong năm thực hiện nếu có.	Bộ Tài chính đã tiếp thu, bổ sung thêm nội dung " <i>dự kiến kế hoạch chi trả chi phí tổ tụng năm kế hoạch</i> ", theo đó trong kế hoạch dự kiến sẽ bao gồm kinh phí phát sinh tăng hoặc giảm so với năm trước.
21	Điều 3	Khoản 1	Sở Tài chính tỉnh Quảng Nam, Long An	Đề nghị điều chỉnh đối với nội dung tại khoản 1 Điều 3 như sau: "1. Lập dự toán Hàng năm, căn cứ chi phí tổ tụng thực tế đã chi của năm trước, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tổ tụng và các cơ quan có liên quan có trách nhiệm lập dự toán kinh phí chi trả chi phí tổ tụng <b>gửi cơ quan quản lý cấp trên để tổng hợp</b> và gửi cơ quan tài chính cùng cấp tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước."	Bộ Tài chính đã tiếp thu, bổ sung thêm nội dung " <i>dự kiến kế hoạch chi trả chi phí tổ tụng năm kế hoạch</i> ", theo đó trong kế hoạch dự kiến sẽ bao gồm kinh phí phát sinh tăng hoặc giảm so với năm trước.



STT	Điều, Khoản	Điểm, Khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
22	Điều 3	Khoản 1	Sở Tài chính tỉnh Hải Dương	<p>Đề nghị sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 3 dự thảo như sau:</p> <p>“1. Lập dự toán Hàng năm, căn cứ chi phí tổ tụng thực tế đã chi của năm trước, các văn bản pháp luật hiện hành và tình hình thực tế của địa phương, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tổ tụng và các cơ quan có liên quan có trách nhiệm lập dự toán kinh phí chi trả chi phí tổ tụng, gửi cơ quan tài chính cùng cấp đề tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.”</p> <p>Lý do: Do tình hình xã hội liên tục có các biến động khác nhau của từng năm đồng thời các văn bản quy định có nhiều thay đổi. Nên nếu chỉ căn cứ vào chi phí tổ tụng thực tế đã chi của năm trước để xây dựng dự toán thì chưa phản ánh hết các chi phí phát sinh của các năm tiếp theo.</p>	Bộ Tài chính đã tiếp thu, bổ sung thêm nội dung “ <i>dự kiến kế hoạch chi trả chi phí tổ tụng năm kế hoạch</i> ”, theo đó trong kế hoạch dự kiến sẽ bao gồm kinh phí phát sinh tăng hoặc giảm so với năm trước.
23	Điều 3	Khoản 1	Sở Tài chính tỉnh Lai Châu	<p>Đề nghị sửa đổi khoản 1 Điều 3 dự thảo Nghị định như sau:</p> <p>“1. Lập dự toán: Hàng năm, căn cứ chi phí tổ tụng thực tế đã chi của năm trước, các cơ quan Viện kiểm sát, Tòa án, Bộ đội biên phòng, Hải quan, Cảnh sát biển, Kiểm ngư, Công an nhân dân, Quân đội nhân dân các cấp lập dự toán kinh phí chi trả chi phí tổ tụng gửi các các bộ, cơ quan trung ương quản lý tổng hợp gửi Bộ Tài chính; cơ quan Kiểm Lâm các cấp lập dự toán kinh phí chi trả chi phí tổ tụng gửi cơ quan Tài chính cùng cấp đề tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.”</p>	Đề nghị giữ nguyên quy định tại dự thảo Nghị định. Lý do: việc quy định chi tiết tên các cơ quan có thẩm quyền tổ tụng sẽ phát sinh vướng mắc khi thực hiện trong trường hợp pháp luật có sự thay đổi về chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan.

STT	Điều, Khoản	Điểm, Khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
24	Điều 3	Khoản 1	Hội CCBVN, Sở TC tỉnh Thanh Hóa, Long An	Đề nghị sửa lại như sau: "Hàng năm, căn chi phí tổ tụng thực tế đã chi của năm trước, dự kiến kế hoạch tổ tụng năm kế hoạch, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tổ tụng...", đồng thời sửa cụm từ "cơ quan tiến hành tổ tụng" thành "cơ quan có thẩm quyền tiến hành tổ tụng".	Bộ Tài chính đã tiếp thu, bổ sung trong dự thảo Nghị định.
25	Điều 3	Khoản 1	Sở Tài chính TP Hồ Chí Minh	<p>Đề nghị sửa đổi như sau:</p> <p>"1. Lập dự toán Hàng năm, căn cứ chi phí tổ tụng thực tế (<i>trừ chi phí định giá tài sản</i>) đã chi của năm trước, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tổ tụng và các cơ quan khác có liên quan có trách nhiệm lập dự toán kinh phí chi trả chi phí tổ tụng, gửi cơ quan tài chính cùng cấp để tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật về Ngân sách nhà nước.</p> <p>2. Hàng năm, căn cứ chi phí định giá tài sản thực tế đã chi của năm trước, Hội đồng định giá có trách nhiệm lập dự toán kinh phí cho các hoạt động định giá tài sản của Hội đồng được quy định tại Điều 21 đến Điều 24 Pháp lệnh 2024, gửi cơ quan tài chính cùng cấp để tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật về Ngân sách nhà nước.</p> <p>Lý do: Trong thực tế, kể từ khi thực thi Nghị định số 30/2018/NĐ-CP thì việc thanh toán chi phí cho việc thuê doanh nghiệp thẩm định giá chậm trễ do Cơ quan CSĐT chậm chuyển kinh phí cho Hội đồng định giá.</p>	Đề nghị giữ nguyên quy định tại dự thảo Nghị định. Lý do: nội dung về lập dự toán và thanh toán chi phí định giá tài sản không thuộc về quyền và nghĩa vụ của Hội đồng định giá tài sản quy định Điều 10 Nghị định số 30/2018/NĐ-CP.

STT	Điều, Khoản	Điểm, Khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
26	Điều 3	Khoản 2	Toà án nhân dân tối cao, Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng	<p>Đề nghị sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 Dự thảo như sau:</p> <p>“2. Phân bổ dự toán</p> <p>Trên cơ sở kinh phí chi trả chi phí tổ tụng đã được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm, các cơ quan tiến hành tổ tụng khi phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước cho các đơn vị dự toán trực thuộc.”</p> <p>Lý do: Đề nghị bỏ “phải xác định rõ số kinh phí cho các nội dung quy định tại Điều 3 Pháp lệnh Chi phí tố tụng” do đây là kinh phí không thực hiện tự chủ nên nếu quy định chi tiết kinh phí phân bổ cụ thể theo từng nội dung thì đơn vị thực hiện dự toán phải chi theo đúng số kinh phí bố trí trong các nội dung đó. Nhưng trên thực tế có những nội dung không phát sinh nhiệm vụ chi, hoặc phát sinh ít thì kinh phí bị thừa, đồng thời có những nội dung phát sinh nhiều thì kinh phí lại thiếu. Chính vì vậy không phân bổ dự toán chi tiết theo từng nội dung cụ thể sẽ tạo tính chủ động cho đơn vị dự toán trong việc thực hiện các nội dung chi phát sinh thực tế.</p>	Bộ Tài chính đã tiếp thu tại dự thảo Nghị định.
27	Điều 3	Khoản 3	TW Hội LHPNVN	<p>Trong chứng từ thanh toán đề nghị bổ sung "chi phí khác", cần nhắc quy định về thành phần hợp đồng và thanh lý hợp đồng vì Luật Giám định tư pháp không có quy định liên quan đến bắt buộc phải có hợp đồng, thanh lý hợp đồng trong thực hiện giám định.</p>	Bộ Tài chính đã tiếp thu, lược bỏ trong dự thảo Nghị định quy định về thành phần hợp đồng và thanh lý hợp đồng.



STT	Điều, Khoản	Điểm, Khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
28	Điều 3	Khoản 3	Sở Tài chính UBND Thành phố Hồ Chí Minh	Đề nghị điều chỉnh tên gọi khoản 3 Điều 3 dự thảo Nghị định từ "Hồ sơ thanh toán, quyết toán kinh phí chi trả chi phí tổ tụng của cơ quan tiến hành tố tụng" thành "Hồ sơ thanh toán, quyết toán kinh phí chi trả chi phí tổ tụng liên quan phần Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; Chi phí xem xét tại chỗ của cơ quan tiến hành tố tụng".	Đề nghị giữ nguyên quy định tại dự thảo Nghị định. Phạm vi của chi phí tổ tụng bao gồm 09 loại chi phí được quy định tại Điều 3 Pháp lệnh Chi phí tổ tụng không chỉ riêng 02 loại chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và Chi phí xem xét tại chỗ.
29	Điều 3	Điểm a Khoản 3	Thanh tra Chính phủ, Bộ Quốc phòng, Viện KSNDTC, Bộ Công Thương	Đề nghị sửa cụm từ "Cơ quan tiến hành tố tụng" thành "Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng". Trong chứng từ thanh toán đề nghị bổ sung "chi phí khác".	Bộ Tài chính đã tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo Nghị định.
30	Điều 3	Điểm a Khoản 3	Tổng liên đoàn lao động Việt Nam	Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; chi phí xem xét tại chỗ; bổ sung một số giấy tờ sau: + Quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ; + Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ.	Bộ Tài chính đã tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo Nghị định.
31	Điều 3	Điểm b Khoản 3	Sở Tài chính UBND Thành phố Hồ Chí Minh	Đề nghị bỏ toàn bộ quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 dự thảo Nghị định quy định Hồ sơ thanh toán, quyết toán kinh phí chi trả chi phí tổ tụng của cơ quan tiến hành tố tụng liên quan chi phí định giá. Lý do: nội dung này sẽ do Hội đồng định giá thực hiện chi trả các khoản chi phí liên quan đến hoạt động định giá của Hội đồng trên cơ sở dự toán được lập đã bổ sung quy định tại khoản 1 Điều 3.	Đề nghị giữ nguyên quy định tại dự thảo Nghị định. Lý do: nội dung về lập dự toán và thanh toán chi phí định giá tài sản không thuộc về quyền và nghĩa vụ của Hội đồng định giá tài sản quy định Điều 10 Nghị định số 30/2018/NĐ-CP.

STT	Điều, Khoản	Điểm, Khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
32	Điều 3	Điểm b Khoản 3	Sở Tài chính Lào Cai	Đề nghị bổ sung quy định “Chi phí định giá tài sản” bao gồm những khoản chi phí nào?	Đề nghị giữ nguyên quy định tại dự thảo Nghị định. Nội dung này đã được quy định tại Pháp lệnh Chi phí tố tụng. Do đó không quy định lại tại dự thảo Nghị định.
33	Điều 3	Điểm b Khoản 3	Sở Tài chính Lào Cai	<p>Đề nghị xem xét điều chỉnh nội dung quy định: “Chi phí cho thành viên Hội đồng định giá gồm: Bảng kê thù lao có chữ ký của thành viên Hội đồng định giá...” sửa thành “Chi phí cho thành viên Hội đồng định giá gồm: <b>văn bản đề nghị thanh toán chi phí của cơ quan định giá tài sản (bao gồm Kết luận định giá, Biên bản họp định giá, Bảng kê thanh toán)...</b>”.</p> <p>Lý do: Việc thanh toán chi phí định giá thường được cơ quan định giá tài sản thực hiện 02 lần/năm; việc tổng hợp chứng từ để đề nghị thanh toán bao gồm Bảng kê thù lao có chữ ký của thành viên sẽ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện do các thành viên Hội đồng định giá là cán bộ các cơ quan đơn vị khác nhau trên địa bàn các huyện khác nhau.</p>	Bộ Tài chính đã tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo Nghị định. Trong đó quy định Hồ sơ thanh toán là Giấy đề nghị thanh toán và Tài liệu kèm theo bao gồm bản chính các hoá đơn, chứng từ hợp pháp có liên quan để chứng minh khoản chi phí cần thiết, hợp lý phát sinh được xác định theo quy định tại Pháp lệnh Chi phí tố tụng.
34	Điều 3	Điểm b Khoản 3	Sở Tài chính tỉnh Hải Dương	Đề nghị bổ sung thêm quy định về Chi phí họp định giá tại điểm b khoản 3 điều 3 dự thảo Nghị định	Đề nghị giữ nguyên quy định tại dự thảo Nghị định. Lý do: Pháp lệnh chi phí tố tụng không quy định về nội dung này.

STT	Điều, Khoản	Điểm, Khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
35	Điều 3	Điểm b Khoản 3	Sở Tài chính tỉnh Thanh Hóa	<p>Tại điểm b khoản 3 Điều 3 Dự thảo Nghị định, đề nghị sửa đổi, bổ sung:</p> <p>“b) Chi phí định giá tài sản</p> <p>- Chi phí vật tư tiêu hao, chi phí sử dụng dịch vụ thẩm định giá, dịch vụ giám định tình trạng kinh tế kỹ thuật và các dịch vụ khác có liên quan theo hợp đồng, thanh lý hợp đồng, hóa đơn, chứng từ thực tế phát sinh;...</p> <p>c) Chi phí giám định:</p> <p>- Hợp đồng, thanh lý hợp đồng, hóa đơn và phiếu thu tiền của cơ quan định; giấy đề nghị thanh toán và hồ sơ kèm theo của cá nhân giám định...”.</p>	<p>Đề nghị giữ nguyên quy định tại dự thảo Nghị định.</p> <p>- Điểm b: Tại Điều 21 Pháp lệnh Chi phí tổ tụng quy định chi phí định giá tài sản bao gồm chi phí sử dụng dịch vụ. Tại Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 81/2014/NĐ-CP đã quy định chi phí sử dụng dịch vụ là loại chi phí nào.</p> <p>- Điểm c: việc quy định bổ sung một số tài liệu làm chứng từ thanh toán bao gồm đề nghị thanh toán và hồ sơ kèm theo sẽ làm gia tăng thủ tục hành chính.</p>
36	Điều 3	Điểm b Khoản 3	Tổng liên đoàn lao động Việt Nam	<p>Chi phí định giá tài sản, bổ sung một số giấy tờ sau:</p> <p>+ Quyết định định giá tài sản;</p> <p>+ Quyết định thành lập Hội đồng định giá;</p> <p>+ Biên bản định giá tài sản.</p>	<p>Bộ Tài chính đã tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo Nghị định. Trong đó quy định Hồ sơ thanh toán là Giấy đề nghị thanh toán và Tài liệu kèm theo bao gồm bản chính các hoá đơn, chứng từ hợp pháp có liên quan để chứng minh khoản chi phí cần thiết, hợp lý phát sinh được xác định theo quy định tại Pháp lệnh Chi phí tổ tụng.</p>



STT	Điều, Khoản	Điểm, Khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
37	Điều 3	Điểm b Khoản 3	UBND TP Hà Nội	<p>Đề nghị bổ sung điểm b khoản 3 Điều 3 như sau:</p> <p><i>"Chi hợp chuyên môn, xây dựng các báo cáo thuyết minh, giải trình về chuyên môn phục vụ công tác định giá tài sản của Hội đồng định giá được thực hiện theo quy định về mức chi cho cá nhân tham gia họp, hội thảo, tọa đàm, hội nghị, họp báo, báo cáo tổng hợp ý kiến, báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý theo chế độ quy định của Nhà nước về thanh toán, quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đảm bảo cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật".</i></p>	Đề nghị giữ nguyên quy định tại dự thảo Nghị định. Nội dung xác định chi phí định giá tài sản đã được quy định tại Điều 21 và Điều 28 Pháp lệnh Chi phí tố tụng.
38	Điều 3	Điểm c Khoản 3	Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng	<p>Tại gạch đầu dòng thứ 2 điểm c khoản 3 Điều 3 dự thảo Nghị định đề nghị điều chỉnh như sau:</p> <p>"c) Chi phí giám định:</p> <p>- Hợp đồng, thanh lý hợp đồng, hóa đơn hoặc phiếu thu tiền của cơ quan giám định; hợp đồng, thanh lý hợp đồng của cá nhân giám định"</p> <p>Lý do: Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 21 Luật Giám định tư pháp số 13/2012/QH13 thì Người trưng cầu giám định có quyền trưng cầu cá nhân, tổ chức (tổ chức giám định tư pháp công lập, tổ chức giám định tư pháp ngoài công lập và tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc).</p>	Bộ Tài chính đã tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo Nghị định.
39	Điều 3	Điểm c Khoản 3	Bộ Quốc phòng	Về chi phí giám định, đề nghị quy định cụ thể các khoản chi phí theo quy định tại Điều 33 Pháp lệnh chi phí tố tụng. Bổ sung chi phí cho người phiên dịch, người dịch thuật	Bộ Tài chính đã tiếp thu, bổ sung trong dự thảo Nghị định.

STT	Điều, Khoản	Điểm, Khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
40	Điều 3	Điểm c Khoản 3	Bộ Công Thương	Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ hợp đồng và hoá đơn tại quy định này được ký bởi đối tượng nào. Trường hợp hợp đồng được ký giữa cơ quan trung cầu giám định và cơ quan giám định, đề nghị nghiên cứu, cân nhắc bởi quy định như trên thì cơ quan giám định phải đến cơ quan trung cầu giám định để ký hợp đồng, có thể bị hạn chế về mặt địa lý và thời gian. Đề nghị bổ sung quy định các chi phí thành phần thuộc Điều 33 Pháp lệnh Chi phí tố tụng.	Bộ Tài chính đã tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo Nghị định.
41	Điều 3	Điểm c Khoản 3	Tổng liên đoàn lao động Việt Nam	- Đề nghị quy định rõ văn bản trung cầu giám định là loại văn bản gì để dễ áp dụng. - Căn cứ quy định tại Điều 33 Pháp lệnh Chi phí tố tụng, chi phí giám định bao gồm 05 khoản: (1) Chi phí cho tổ chức, người thực hiện giám định gồm: Chi phí tiền lương, thù lao; Chi phí đi lại; Chi phí thuê phòng nghỉ; Phụ cấp lưu trú; (2) Chi phí hao mòn, khấu hao máy móc, phương tiện, thiết bị; (3) Chi phí vật tư tiêu hao; (4) Chi phí sử dụng dịch vụ; (5) Chi phí khác. Đề nghị dự thảo quy định rõ các hồ sơ thanh toán, quyết toán các chi phí trên.	Bộ Tài chính đã tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo Nghị định. Trong đó quy định Hồ sơ thanh toán là Giấy đề nghị thanh toán và Tài liệu kèm theo bao gồm bản chính các hoá đơn, chứng từ hợp pháp có liên quan để chứng minh khoản chi phí cần thiết, hợp lý phát sinh được xác định theo quy định tại Pháp lệnh Chi phí tố tụng.
42	Điều 3	Điểm c Khoản 3	Bộ Tư pháp	Khoản 2 Điều 44 Pháp lệnh chi phí tố tụng năm 2024 quy định nguyên tắc chung "cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã ra quyết định trung cầu giám định có trách nhiệm nộp tiền tạm ứng chi phí giám định theo thông báo của tổ chức, người thực hiện giám định". Tuy nhiên, chưa có quy định về trình tự, thủ tục, hồ sơ và thời hạn tạm ứng chi phí giám định. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung quy định này.	Đề nghị giữ nguyên quy định tại dự thảo Nghị định. Nội dung tạm ứng, thanh toán tạm ứng không thuộc phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định.

STT	Điều, Khoản	Điểm, Khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
43	Điều 3	Điểm c Khoản 3	Bộ Tư pháp	Dự thảo Nghị định cần quy định, hướng dẫn cụ thể hồ sơ thanh toán, quyết toán chi phí giám định đối với từng loại hình tổ chức thực hiện giám định, cụ thể: (i) Tổ chức giám định tư pháp công lập trong lĩnh vực pháp y, pháp y tâm thần, kỹ thuật hình sự (do nhà nước thành lập, đảm bảo điều kiện hoạt động); (ii) Tổ chức thực hiện giám định là cơ quan hành chính, quản lý nhà nước; (iii) Tổ chức thực hiện giám định là đơn vị sự nghiệp có thu; (iv) Tổ chức thực hiện giám định là tổ chức ngoài khu vực nhà nước.	Tiếp thu ý kiến. Bộ Tài chính đã quy định hồ sơ đề nghị thanh toán chi phí giám định bao gồm Giấy đề nghị thanh toán và Tài liệu kèm theo để chứng minh các khoản chi phí cần thiết là hợp lý phát sinh trong quá trình giám định.
44	Điều 3	Điểm c Khoản 3	Bộ Tư pháp	Cần lấy ý kiến đối với các đối tượng chịu tác động trực tiếp của Nghị định này, đặc biệt là các tổ chức giám định tư pháp công lập ở Trung ương và địa phương	Bộ Tài chính đã có công văn số 3699/BTC-KTN ngày 25/3/2025 và công văn số 4510/BTC-KTN ngày 09/4/2025 lấy ý kiến các cơ quan: TANDTC, VKSNDTC, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng là cơ quan tổ tụng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự, hình sự, Luật Tố tụng hành chính. Các Bộ, cơ quan nêu trên đều có các cơ quan trực thuộc là các tổ chức giám định tư pháp công lập.
45	Điều 3	Điểm c Khoản 3	Sở Tài chính Lào Cai	Đề nghị xem xét bổ sung trường hợp cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ giám định tư pháp thì hồ sơ đề thanh toán, quyết toán chi phí gồm: <b>văn bản đề nghị thanh toán chi phí của cơ quan nhà nước thực hiện giám định (bao gồm Kết luận giám định, Biên bản họp giám định, Bảng kê thanh toán)...”</b> .	Bộ Tài chính đã tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo Nghị định. Trong đó quy định Hồ sơ thanh toán là Giấy đề nghị thanh toán và Tài liệu kèm theo bao gồm bản chính các hoá đơn, chứng từ hợp pháp có liên quan để chứng minh khoản chi phí cần thiết, hợp lý phát sinh được xác định theo quy định tại Pháp lệnh Chi phí tố tụng.



STT	Điều, Khoản	Điểm, Khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
46	Điều 3	Điểm b, d Khoản 3	Sở Tài chính Bắc Giang	<p>Đề nghị bổ sung một số ý bồi đắp vào điểm b, d Khoản 3 Điều 3 dự thảo Nghị định, như sau: “b) Chi phí định giá tài sản:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chi phí cho thành viên Hội đồng định giá gồm: <b>Quyết định thành lập Hội đồng định giá</b>; Bảng kê thù lao có chữ ký của thành viên Hội đồng định giá.</li> <li>- Chi phí tiêu hao, chi phí sử dụng dịch vụ: <b>Văn bản căn cứ thực hiện</b>, hợp đồng, thanh lý hợp đồng...;</li> </ul> <p>“d) Chi phí cho Hội thẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Văn bản phân công thực hiện nhiệm vụ Hội thẩm</b>;</li> <li>- <b>Bảng kê phụ cấp xét xử có chữ ký của người được phân công thực hiện Hội thẩm</b>, phụ cấp xét xử được thanh toán hàng tháng hoặc thanh toán theo từng vụ.</li> </ul>	Bộ Tài chính đã tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo Nghị định. Trong đó quy định Hồ sơ thanh toán là Giấy đề nghị thanh toán và Tài liệu kèm theo bao gồm bản chính các hoá đơn, chứng từ hợp pháp có liên quan để chứng minh khoản chi phí cần thiết, hợp lý phát sinh được xác định theo quy định tại Pháp lệnh Chi phí tố tụng.
47	Điều 3	Điểm d Khoản 3	Tổng liên đoàn lao động Việt Nam	Đề nghị bổ sung văn bản liên quan đến việc bầu hội thẩm; cử hội thẩm tham gia hoạt động xét xử.	Bộ Tài chính đã tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo Nghị định. Trong đó quy định Hồ sơ thanh toán là Giấy đề nghị thanh toán và Tài liệu kèm theo bao gồm bản chính các hoá đơn, chứng từ hợp pháp có liên quan để chứng minh khoản chi phí cần thiết, hợp lý phát sinh được xác định theo quy định tại Pháp lệnh Chi phí tố tụng.
48	Điều 3	Điểm đ Khoản 3	Bộ Tư pháp	Đưa nội dung, nguyên tắc về cơ chế thanh toán thù lao cho luật sư khi tham gia bảo vệ lợi ích công (các vụ kiện hành chính và các công việc khác có liên quan)	Tiếp thu ý kiến. Dự thảo Nghị định đã quy định thù tục thanh toán chi phí cho luật sư, trợ giúp viên pháp lý, bào chữa viên nhân dân trong trường hợp chỉ định người bào chữa trong tố tụng hình sự

STT	Điều, Khoản	Điểm, Khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
49	Điều 3	Điểm đ Khoản 3	Tổng liên đoàn lao động Việt Nam	Đề nghị bổ sung giấy tờ chứng minh tư cách của luật sư, trợ giúp viên pháp lý, bào chữa viên nhân dân	Bộ Tài chính đã tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo Nghị định. Trong đó quy định Hồ sơ thanh toán là Giấy đề nghị thanh toán và Tài liệu kèm theo bao gồm bản chính các hoá đơn, chứng từ hợp pháp có liên quan để chứng minh khoản chi phí cần thiết, hợp lý phát sinh được xác định theo quy định tại Pháp lệnh Chi phí tố tụng.
50	Điều 3	Điểm e Khoản 3	Sở Tài chính TP. Cần Thơ	Tại điểm e khoản 3 Điều 4 dự thảo Nghị định chưa đề cập chi phí thù lao với đối tượng là người làm chứng, người chứng kiến. Ngoài ra, việc xác định chi phí chi trả cho người làm chứng, người chứng kiến và người phiên dịch, người dịch thuật có sự khác nhau về nội dung, đề nghị xem xét tách thành 02 điểm khác nhau để quy định được rõ ràng, thống nhất.	Đề nghị giữ nguyên quy định tại dự thảo Nghị định. Lý do: quy định về xác định chi phí cho những đối tượng này đều có điểm tương đồng về mặt nguyên tắc. Do đó, để thuận lợi, thống nhất trong quá trình thực thi đề nghị giữ nguyên, gộp chung quy định như hiện tại tại dự thảo Nghị định.
51	Điều 3	Điểm h Khoản 3	Viện KSNDTC, Tổng liên đoàn lao động Việt Nam	Đề nghị dự thảo bổ sung giấy mời, giấy triệu tập của người được mời, được triệu tập tham gia phiên toà, phiên họp giải quyết vụ việc, vụ án.	Bộ Tài chính đã tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo Nghị định.

STT	Điều, Khoản	Điểm, Khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
52	Điều 3	Điểm g Khoản 3	Tổng liên đoàn lao động Việt Nam, Bộ Công Thương	Đề nghị dự thảo quy định đầy đủ các hồ sơ thanh toán, quyết toán các chi phí uỷ thác tư pháp nước ngoài theo quy định tại Điều 63, Điều 65, Điều 67 Chương IX Pháp lệnh 05/2024/UBTVQH15 ngày 11/12/2024 của UBTVQH về Chi phí tổ tụng.	Tiếp thu ý kiến. Bộ Tài chính đã sửa đổi quy định như sau: Thủ tục thanh toán chi phí uỷ thác tư pháp ra nước ngoài trong tổ tụng dân sự, tổ tụng hành chính, tổ tụng hình sự được thực hiện theo quy định của pháp luật về tương trợ tư pháp. Đối với thủ tục thanh toán chi phí tổng đạt, thông báo văn bản tổ tụng ra nước ngoài thông qua Cơ quan đại diện nước CHXHCN Việt Nam ở nước ngoài được thực hiện theo thủ tục do TANDTC phối hợp với Bộ Ngoại giao quy định.
53	Điều 4	Khoản 1	Bộ Quốc phòng	Đề nghị xác định thời điểm có hiệu lực là ngày 01/7/2025 để thống nhất với thời điểm có hiệu lực của Pháp lệnh chi phí tổ tụng	Bộ Tài chính đã tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo Nghị định.



## BẢNG RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-KTN ngày /4/2025)

STT	Thủ tục thanh toán loại chi phí tổ tụng	Quy định tại Nghị định 81/2014/NĐ-CP	Quy định tại dự thảo Nghị định	Rà soát thủ tục hành chính
1	Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ	Chưa quy định	Có quy định	Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ được xây dựng dựa trên quy định thanh toán chi phí giám định quy định tại Nghị định số 81/2014/NĐ-CP do có tính chất tương đồng. Có được hiệu chỉnh cho phù hợp đối với đặc thù đối tượng được thanh toán.
2	Chi phí định giá tài sản	Có quy định	Có quy định	Kế thừa quy định tại Nghị định 81/2014/NĐ-CP. Tăng thời gian cho Hội đồng định giá chuẩn bị hồ sơ thanh toán từ 05 ngày lên 10 ngày. Các Tài liệu kèm theo Giấy đề nghị thanh toán đã đầy đủ, rõ ràng hơn quy định tại Nghị định 81/2014/NĐ-CP.
3	Chi phí giám định	Có quy định	Có quy định	Kế thừa quy định tại Nghị định 81/2014/NĐ-CP. Giảm thời gian giải quyết thủ tục từ 15 ngày xuống còn 10 ngày. Các Tài liệu kèm theo Giấy đề nghị thanh toán đã đầy đủ, rõ ràng hơn quy định tại Nghị định 81/2014/NĐ-CP.

STT	Thủ tục thanh toán loại chi phí tố tụng	Quy định tại Nghị định 81/2014/NĐ-CP	Quy định tại dự thảo Nghị định	Rà soát thủ tục hành chính
4	Chi phí cho Hội thẩm	Chưa quy định	Có quy định	Chi phí cho Hội thẩm được xây dựng dựa trên quy định thanh toán chi phí định giá tài sản quy định tại Nghị định số 81/2014/NĐ-CP do có tính chất tương đồng. Có được hiệu chỉnh cho phù hợp đối với đặc thù đối tượng được thanh toán.
5	Chi phí cho luật sư, trợ giúp viên pháp lý, bào chữa viên nhân dân trong trường hợp chỉ định người bào chữa trong tố tụng hình sự	Chưa quy định	Có quy định	Chi phí cho luật sư, trợ giúp viên pháp lý trong trường hợp chỉ định người bào chữa được thực hiện theo quy định của pháp luật về luật sư và trợ giúp pháp lý hiện hành. Dự thảo Nghị định chỉ bổ sung quy định thanh toán cho bào chữa viên nhân dân trong trường hợp chỉ định người bào chữa do chưa có quy định.
6	Chi phí cho người làm chứng, người chứng kiến, người phiên dịch, người dịch thuật	Có quy định	Có quy định	Kế thừa quy định tại Nghị định 81/2014/NĐ-CP.

STT	Thủ tục thanh toán loại chi phí tố tụng	Quy định tại Nghị định 81/2014/NĐ-CP	Quy định tại dự thảo Nghị định	Rà soát thủ tục hành chính
7	Chi phí uỷ thác tư pháp ra nước ngoài	Chưa quy định	Có quy định	Chi phí uỷ thác tư pháp ra nước ngoài được thực hiện theo quy định của pháp luật về tương trợ tư pháp. Dự thảo Nghị định chỉ bổ sung nội dung quy định thanh toán chi phí tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng ra nước ngoài thông qua Cơ quan đại diện nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài được thực hiện theo thủ tục do Toà án nhân dân tối cao phối hợp với Bộ Ngoại giao quy định. Do nội dung này có tính chất kỹ thuật về tư pháp cao, có liên quan đến yếu tố nước ngoài.
8	Chi phí tham gia phiên toà, phiên họp giải quyết vụ việc, vụ án	Chưa quy định	Có quy định	Chi phí tham gia phiên toà, phiên họp được xây dựng dựa trên quy định thanh toán chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch được quy định tại Nghị định số 81/2014/NĐ-CP do có tính chất tương đồng. Có được hiệu chỉnh cho phù hợp đối với đặc thù đối tượng được thanh toán.

**DANH SÁCH CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG GỬI GÓP Ý**

<b>STT</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Đã gửi</b>	<b>Đã tổng hợp</b>
	<b>TỔNG</b>	<b>63</b>	<b>63</b>
<b>A</b>	<b>Bộ, ngành</b>	<b>22</b>	<b>22</b>
1	Văn phòng Chủ tịch nước	1	1
2	Văn phòng Quốc hội	1	1
3	Toà án nhân dân tối cao	1	1
4	Viện Kiểm sát nhân dân tối cao	1	1
5	Bộ Quốc phòng	1	1
6	Bộ Tư pháp	1	1
7	Bộ Nội vụ	1	1
8	Bộ Công Thương	1	1
9	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	1	1
10	Bộ Xây dựng	1	1
11	Bộ Giáo dục và Đào tạo	1	1
12	Bộ Khoa học và Công nghệ	1	1
13	Thanh tra Chính phủ	1	1
14	Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam	1	1
15	TW Hội LHPNVN	1	1
16	Tổng liên đoàn LĐVN	1	1
17	TW ĐTNCS HCM	1	1
18	Thông tấn xã Việt Nam	1	1
19	Viện HL KHXH VN	1	1
20	Đài tiếng nói Việt Nam	1	1
21	Đài truyền hình Việt Nam	1	1
22	Viện HL KHCN VN	1	1
<b>B</b>	<b>Địa phương</b>	<b>41</b>	<b>41</b>
<b>I</b>	<b>VÙNG MIỀN NÚI PHÍA BẮC</b>		
1	Hà Giang	1	1
2	Tuyên Quang		
3	Cao Bằng	1	1
4	Lạng Sơn	1	1
5	Lào Cai	1	1
6	Yên Bái	1	1
7	Thái Nguyên		
8	Bắc Kạn	1	1
9	Phú Thọ	1	1
10	Bắc Giang	1	1
11	Hoà Bình	1	1
12	Sơn La		
13	Lai Châu		
14	Điện Biên	1	1
<b>II</b>	<b>ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG</b>		
15	Hà Nội	1	1
16	Hải Phòng	1	1
17	Quảng Ninh		
18	Hải Dương	1	1
19	Hưng Yên		
20	Vĩnh Phúc		
21	Bắc Ninh	1	1
22	Hà Nam	1	1



STT	Đơn vị	Đã gửi	Đã tổng hợp
23	Nam Định	1	1
24	Ninh Bình	1	1
25	Thái Bình	1	1
<b>III</b>	<b>MIỀN TRUNG</b>		
26	Thanh Hoá	1	1
27	Nghệ An		
28	Hà Tĩnh	1	1
29	Quảng Bình	1	1
30	Quảng Trị		
31	Thừa Thiên Huế		
32	Đà Nẵng	1	1
33	Quảng Nam	1	1
34	Quảng Ngãi	1	1
35	Bình Định	1	1
36	Phú Yên		
37	Khánh Hoà	1	1
38	Ninh Thuận	1	1
39	Bình Thuận		
<b>IV</b>	<b>TÂY NGUYÊN</b>		
40	Đắk Lắk	1	1
41	Đắk Nông		
42	Gia Lai	1	1
43	Kon Tum		
44	Lâm Đồng	1	1
<b>V</b>	<b>ĐÔNG NAM BỘ</b>		
45	Hồ Chí Minh	1	1
46	Đồng Nai	1	1
47	Bình Dương		
48	Bình Phước	1	1
49	Tây Ninh		
50	Bà Rịa - Vũng Tàu		
<b>VI</b>	<b>ĐỒNG BẮNG SÔNG CỬU LONG</b>		
51	Long An	1	1
52	Tiền Giang	1	1
53	Bến Tre		
54	Trà Vinh	1	1
55	Vĩnh Long	1	1
56	Cần Thơ	1	1
57	Hậu Giang		
58	Sóc Trăng	1	1
59	An Giang		
60	Đồng Tháp	1	1
61	Kiên Giang		
62	Bạc Liêu	1	1
63	Cà Mau		

**DANH SÁCH CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG GỬI GÓP Ý**

<b>STT</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Đã gửi</b>	<b>Đã tổng hợp</b>
	<b>TỔNG</b>	<b>63</b>	<b>63</b>
<b>A</b>	<b>Bộ, ngành</b>	<b>22</b>	<b>22</b>
1	Văn phòng Chủ tịch nước	1	1
2	Văn phòng Quốc hội	1	1
3	Toà án nhân dân tối cao	1	1
4	Viện Kiểm sát nhân dân tối cao	1	1
5	Bộ Quốc phòng	1	1
6	Bộ Tư pháp	1	1
7	Bộ Nội vụ	1	1
8	Bộ Công Thương	1	1
9	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	1	1
10	Bộ Xây dựng	1	1
11	Bộ Giáo dục và Đào tạo	1	1
12	Bộ Khoa học và Công nghệ	1	1
13	Thanh tra Chính phủ	1	1
14	Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam	1	1
15	TW Hội LHPNVN	1	1
16	Tổng liên đoàn LĐVN	1	1
17	TW ĐTNCS HCM	1	1
18	Thông tấn xã Việt Nam	1	1
19	Viện HL KHXH VN	1	1
20	Đài tiếng nói Việt Nam	1	1
21	Đài truyền hình Việt Nam	1	1
22	Viện HL KHCN VN	1	1
<b>B</b>	<b>Địa phương</b>	<b>41</b>	<b>41</b>
<b>I</b>	<b>VÙNG MIỀN NÚI PHÍA BẮC</b>		
1	Hà Giang	1	1
2	Tuyên Quang		
3	Cao Bằng	1	1
4	Lạng Sơn	1	1
5	Lào Cai	1	1
6	Yên Bái	1	1
7	Thái Nguyên		
8	Bắc Kạn	1	1
9	Phú Thọ	1	1
10	Bắc Giang	1	1
11	Hoà Bình	1	1
12	Sơn La		
13	Lai Châu		
14	Điện Biên	1	1
<b>II</b>	<b>ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG</b>		
15	Hà Nội	1	1
16	Hải Phòng	1	1
17	Quảng Ninh		
18	Hải Dương	1	1
19	Hưng Yên		
20	Vĩnh Phúc		
21	Bắc Ninh	1	1
22	Hà Nam	1	1

STT	Đơn vị	Đã gửi	Đã tổng hợp
23	Nam Định	1	1
24	Ninh Bình	1	1
25	Thái Bình	1	1
<b>III</b>	<b>MIỀN TRUNG</b>		
26	Thanh Hoá	1	1
27	Nghệ An		
28	Hà Tĩnh	1	1
29	Quảng Bình	1	1
30	Quảng Trị		
31	Thừa Thiên Huế		
32	Đà Nẵng	1	1
33	Quảng Nam	1	1
34	Quảng Ngãi	1	1
35	Bình Định	1	1
36	Phú Yên		
37	Khánh Hoà	1	1
38	Ninh Thuận	1	1
39	Bình Thuận		
<b>IV</b>	<b>TÂY NGUYÊN</b>		
40	Đắk Lắk	1	1
41	Đắk Nông		
42	Gia Lai	1	1
43	Kon Tum		
44	Lâm Đồng	1	1
<b>V</b>	<b>ĐÔNG NAM BỘ</b>		
45	Hồ Chí Minh	1	1
46	Đồng Nai	1	1
47	Bình Dương		
48	Bình Phước	1	1
49	Tây Ninh		
50	Bà Rịa - Vũng Tàu		
<b>VI</b>	<b>ĐÔNG BẮNG SÔNG CỬU LONG</b>		
51	Long An	1	1
52	Tiền Giang	1	1
53	Bến Tre		
54	Trà Vinh	1	1
55	Vĩnh Long	1	1
56	Cần Thơ	1	1
57	Hậu Giang		
58	Sóc Trăng	1	1
59	An Giang		
60	Đồng Tháp	1	1
61	Kiên Giang		
62	Bạc Liêu	1	1
63	Cà Mau		



Ký bởi: Văn phòng Bộ  
Cơ quan: 28 Trần  
Hưng Đạo  
Thời gian ký:  
18/04/2025 14:34:48

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 44 /TANDTC-KHTC  
V/v góp ý đối với dự thảo Nghị định của  
Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục  
lập dự toán, thanh toán kinh phí  
chi trả chi phí tổ tụng

Hà Nội, ngày 17 tháng 4 năm 2025

Kính gửi: Bộ Tài chính

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: 43274
Ngày:	18-04-2025
Chuyên:	Vu KTN
Số và ký hiệu HS:	

Tòa án nhân dân tối cao nhận được Công văn số 3699/BTC-KTN ngày 25/3/2025 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục lập dự toán, thanh toán kinh phí chi trả chi phí tổ tụng. Sau khi nghiên cứu dự thảo, Tòa án nhân dân tối cao có ý kiến như sau:

Đề nghị xây dựng kết cấu dự thảo Nghị định gồm 03 chương:

**Chương 1:** Quy định chung (quy định về phạm vi và đối tượng áp dụng, nguồn kinh phí chi trả, nguyên tắc quản lý, sử dụng chi phí tổ tụng).

**Chương 2:** Lập dự toán, chấp hành và quyết toán kinh phí chi trả chi phí tổ tụng (quy định về lập dự toán, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí chi trả chi phí tổ tụng của cơ quan tiến hành tố tụng với ngân sách nhà nước). Cụ thể như sau:

1. Lập dự toán: nhất trí như dự thảo.
2. Phân bổ dự toán:

Tại thời điểm phân bổ dự toán thì các khoản chi trả chi phí tổ tụng chưa được thực hiện (việc lập dự toán cũng căn cứ vào chi phí tổ tụng thực tế đã chi của năm trước). Như vậy, không thể “xác định rõ số kinh phí cho các nội dung quy định tại Điều 3 Pháp lệnh Chi phí tổ tụng” khi phân bổ dự toán. Ngoài ra, theo Điều 2, ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí chi trả chi phí tổ tụng mà cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng và các cơ quan có liên quan có trách nhiệm chi trả. Do đó, đề nghị sửa Khoản 2 Điều 3 thành: “Trên cơ sở kinh phí chi trả chi phí tổ tụng đã được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm, các cơ quan tiến hành tố tụng và các cơ quan có liên quan phân bổ dự toán chi ngân sách cho các đơn vị dự toán trực thuộc vào phần kinh phí giao không thực hiện chế độ tự chủ”.

3. Quyết toán:

Kinh phí chi trả chi phí tổ tụng không được quyết toán cao hơn dự toán nhà nước giao trong năm. Số liệu quyết toán kinh phí chi trả chi phí tổ tụng phải được chi tiết theo mục lục ngân sách nhà nước.



**Chương 3:** Thủ tục thanh toán chi phí tố tụng (quy định thủ tục thanh toán chi phí tố tụng giữa cơ quan tiến hành tố tụng với cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động tố tụng theo yêu cầu).

Đề nghị xây dựng điều luật quy định thủ tục thanh toán các chi phí tố tụng tại Điều 3 Pháp lệnh Chi phí tố tụng theo hướng kế thừa các quy định về thủ tục thanh toán tại Nghị định số 81/2014/NĐ-CP<sup>1</sup> còn phù hợp và quy định bổ sung thủ tục thanh toán đối với chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, xem xét tại chỗ; chi phí cho Hội thẩm; chi phí cho luật sư, trợ giúp viên pháp lý, bào chữa viên nhân dân; chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài; chi phí tham gia phiên tòa, phiên họp giải quyết vụ việc, vụ án đảm bảo thống nhất với Pháp lệnh Chi phí tố tụng. Cụ thể như sau:

***“Điều . Thủ tục thanh toán chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ***

***1. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ***

Sau khi kết thúc việc xem xét, thẩm định tại chỗ, người tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ thực hiện việc thanh toán chi phí cho người được mời tham gia xem xét, thẩm định tại chỗ; thanh toán chi phí sử dụng dịch vụ theo hợp đồng, thanh lý hợp đồng, hóa đơn, phiếu thu tiền sử dụng dịch vụ trong trường hợp sử dụng dịch vụ theo quy định tại Điều 15 Pháp lệnh Chi phí tố tụng.

***2. Chi phí xem xét tại chỗ***

a) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc việc xem xét tại chỗ, người được mời tham gia xem xét tại chỗ, người tiến hành xem xét tại chỗ gửi hồ sơ đề nghị thanh toán chi phí tới cơ quan tiến hành tố tụng để làm thủ tục thanh toán.

b) Hồ sơ đề nghị thanh toán chi phí cho người được mời tham gia xem xét tại chỗ, người tiến hành xem xét tại chỗ bao gồm:

- Giấy đề nghị thanh toán có các nội dung chính sau: Tên, địa chỉ, mã số thuế của người đề nghị thanh toán;

- Tài liệu kèm theo Giấy đề nghị thanh toán là Giấy mời tham gia xem xét tại chỗ; bản chính các hóa đơn, chứng từ hợp pháp có liên quan để chứng minh các khoản chi phí cần thiết và hợp lý đã phát sinh khi được mời tham gia xem xét tại chỗ hoặc khi tiến hành xem xét tại chỗ.

c) Trong thời hạn tối đa 10 ngày kể từ ngày nhận được đủ Hồ sơ đề nghị thanh toán, cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, thanh toán chi phí cho người được mời tham gia xem xét tại chỗ.

***Điều . Thủ tục thanh toán chi phí định giá tài sản***

1. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có kết quả định giá, Hội đồng định giá tài sản gửi Hồ sơ đề nghị thanh toán chi phí định giá tới cơ quan tiến hành tố tụng để làm thủ tục thanh toán.

---

<sup>1</sup> Nghị định số 81/2014/NĐ-CP ngày 14/8/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh Chi phí giám định, định giá; chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch trong tố tụng.

## **2. Hồ sơ đề nghị thanh toán chi phí định giá bao gồm:**

a) Giấy đề nghị thanh toán có các nội dung chính sau: Tên, địa chỉ, mã số thuế cá nhân đại diện Hội đồng định giá tài sản; tổng chi phí thực hiện định giá, số tiền đã được tạm ứng, số tiền còn được thanh toán và phương thức thanh toán.

b) Tài liệu kèm theo Giấy đề nghị thanh toán là văn bản yêu cầu định giá; bản chính các hóa đơn, chứng từ hợp pháp có liên quan để chứng minh các khoản chi phí cần thiết, phù hợp với các chi phí được xác định tại các điều 21, 22, 23 và 24 của Pháp lệnh Chi phí tố tụng phát sinh trong quá trình thực hiện định giá.

3. Trong thời hạn tối đa 10 ngày kể từ ngày nhận được đủ Hồ sơ đề nghị thanh toán chi phí định giá, căn cứ vào kết quả định giá, kết quả xác định chi phí định giá và ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có), cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, thanh toán chi phí định giá cho Hội đồng định giá tài sản.

Trường hợp số tiền tạm ứng chi phí định giá đã thanh toán chưa đủ chi phí thì cơ quan tiến hành tố tụng thanh toán phần tiền còn thiếu đó.

Trường hợp số tiền tạm ứng vượt quá chi phí định giá thì Hội đồng định giá tài sản phải hoàn trả lại phần tiền chênh lệch trong thời hạn tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày gửi Hồ sơ đề nghị thanh toán chi phí định giá.

## **Điều . Thủ tục thanh toán chi phí giám định**

1. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có kết quả giám định, tổ chức, cá nhân thực hiện giám định gửi Hồ sơ đề nghị thanh toán chi phí giám định tới cơ quan tiến hành tố tụng để làm thủ tục thanh toán.

## **2. Hồ sơ đề nghị thanh toán chi phí giám định bao gồm:**

a) Giấy đề nghị thanh toán có các nội dung chính sau: Tên, địa chỉ, mã số thuế của tổ chức, cá nhân thực hiện giám định; tổng chi phí thực hiện giám định; số tiền đã được tạm ứng; số tiền còn được thanh toán và phương thức thanh toán.

b) Tài liệu kèm theo Giấy đề nghị thanh toán là bản chính các hóa đơn, chứng từ hợp pháp có liên quan để chứng minh các khoản chi phí cần thiết và hợp lý đã phát sinh trong quá trình giám định.

3. Trong thời hạn tối đa 10 ngày kể từ ngày nhận được đủ Hồ sơ đề nghị thanh toán chi phí giám định, căn cứ vào kết quả giám định, kết quả xác định chi phí giám định và ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có), cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, thanh toán chi phí giám định cho tổ chức, cá nhân đã thực hiện giám định.

Trường hợp số tiền tạm ứng chi phí giám định đã thanh toán chưa đủ chi phí thì cơ quan tiến hành tố tụng thanh toán phần tiền còn thiếu đó.

Trường hợp số tiền tạm ứng vượt quá chi phí giám định thì tổ chức, cá nhân thực hiện giám định phải hoàn trả lại phần tiền chênh lệch trong thời hạn tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày gửi Hồ sơ đề nghị thanh toán chi phí.

## **Điều . Thanh toán chi phí cho Hội thẩm**

1. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc phiên tòa, Hội thẩm gửi Hồ sơ đề nghị thanh toán chi phí cho Hội thẩm tới Tòa án để làm thủ tục thanh toán.

2. Hồ sơ đề nghị thanh toán chi phí cho Hội thẩm bao gồm:

a) Giấy đề nghị thanh toán có các nội dung chính sau: Tên, địa chỉ, mã số thuế của Hội thẩm;

b) Tài liệu kèm theo Giấy đề nghị thanh toán là bảng kê thời gian tham gia phiên tòa, thời gian nghiên cứu hồ sơ của Hội thẩm có xác nhận của chủ tọa phiên tòa; bản chính các hóa đơn, chứng từ hợp pháp có liên quan để chứng minh các khoản chi phí cần thiết và hợp lý đã phát sinh được quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 46 Pháp lệnh Chi phí tố tụng.

3. Trong thời hạn tối đa 10 ngày kể từ ngày nhận được đủ Hồ sơ đề nghị thanh toán, Tòa án có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, thanh toán chi phí cho Hội thẩm.

**Điều . Thanh toán chi phí cho luật sư, trợ giúp viên pháp lý, bào chữa viên nhân dân trong trường hợp chỉ định người bào chữa trong tố tụng hình sự**

1. Thủ tục thanh toán chi phí cho luật sư, trợ giúp viên pháp lý trong trường hợp chỉ định người bào chữa được thực hiện theo quy định của pháp luật về luật sư và trợ giúp pháp lý.

2. Thủ tục thanh toán chi phí cho bào chữa viên nhân dân trong trường hợp chỉ định người bào chữa được thực hiện như sau:

a) Hồ sơ đề nghị thanh toán chi phí cho bào chữa viên nhân dân bao gồm:

- Giấy đề nghị thanh toán có các nội dung chính sau: Tên, địa chỉ, mã số thuế của bào chữa viên nhân dân;

- Tài liệu kèm theo Giấy đề nghị thanh toán là bảng kê thời gian làm việc của bào chữa viên nhân dân có xác nhận của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; bản chính các hóa đơn, chứng từ hợp pháp có liên quan để chứng minh các khoản chi phí cần thiết và hợp lý đã phát sinh được quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản 2 Điều 49 Pháp lệnh Chi phí tố tụng.

b) Sau khi kết thúc từng giai đoạn trong tố tụng (điều tra, truy tố, xét xử), bào chữa viên nhân dân gửi hồ sơ đề nghị thanh toán cho cơ quan tiến hành tố tụng yêu cầu cử người bào chữa là bào chữa viên nhân dân để làm thủ tục thanh toán.

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán, cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, thanh toán chi phí cho bào chữa viên nhân dân.

**Điều . Thanh toán chi phí cho người làm chứng, người chứng kiến, người phiên dịch, người dịch thuật**

1. Ngay sau khi kết thúc công việc làm chứng, chứng kiến, phiên dịch, dịch thuật, người làm chứng, người chứng kiến, người phiên dịch, người dịch thuật gửi Hồ sơ đề nghị thanh toán tới cơ quan tiến hành tố tụng để làm thủ tục thanh toán.

2. Hồ sơ đề nghị thanh toán chi phí cho người làm chứng, người chứng kiến, người phiên dịch, người dịch thuật bao gồm:

a) Giấy đề nghị thanh toán chi phí cho người làm chứng, người chứng kiến, người phiên dịch, người dịch thuật có các nội dung chính sau: Tên, địa chỉ, mã số thuế của người đề nghị thanh toán; số tiền đề nghị thanh toán và phương thức thanh toán.

b) Tài liệu kèm theo Giấy đề nghị thanh toán là bản chính các hóa đơn, chứng từ hợp pháp có liên quan để chứng minh các khoản chi phí cần thiết và hợp lý đã phát sinh mà người làm chứng, người chứng kiến, người phiên dịch, người dịch thuật đã chi trả khi đến làm chứng, chứng kiến, phiên dịch, dịch thuật.

3. Cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm tiếp nhận Hồ sơ đề nghị thanh toán và kiểm tra tính đầy đủ, hợp pháp của hồ sơ. Trường hợp Hồ sơ đề nghị thanh toán chưa đáp ứng theo quy định tại khoản 2 Điều này thì cơ quan tiến hành tố tụng phải thông báo cho người đề nghị thanh toán biết và nêu rõ lý do để bổ sung hồ sơ theo quy định. Trường hợp Hồ sơ đề nghị thanh toán đầy đủ, hợp pháp, cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện chi trả chi phí cho người làm chứng, người chứng kiến, người phiên dịch, người dịch thuật.

#### **Điều . Thanh toán chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài**

1. Thủ tục thanh toán chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính, tố tụng hình sự được thực hiện theo quy định của pháp luật về tương trợ tư pháp.

2. Thủ tục thanh toán chi phí tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng ra nước ngoài trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính thông qua Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài được thực hiện theo thủ tục do Tòa án nhân dân tối cao phối hợp với Bộ Ngoại giao quy định.

#### **Điều . Thanh toán chi phí tham gia phiên tòa, phiên họp**

1. Ngay sau khi kết thúc phiên tòa, phiên họp giải quyết vụ việc, vụ án, những người được quy định tại khoản 1 Điều 69 Pháp lệnh Chi phí tố tụng gửi Hồ sơ đề nghị thanh toán tới cơ quan tiến hành tố tụng để làm thủ tục thanh toán.

2. Hồ sơ đề nghị thanh toán chi phí tham gia phiên tòa, phiên họp bao gồm:

a) Giấy đề nghị thanh toán chi phí tham gia phiên tòa, phiên họp có các nội dung chính sau: Tên, địa chỉ, mã số thuế của người đề nghị thanh toán; số tiền đề nghị thanh toán và phương thức thanh toán.

b) Tài liệu kèm theo Giấy đề nghị thanh toán là bản chính các hóa đơn, chứng từ hợp pháp có liên quan để chứng minh các khoản chi phí cần thiết và hợp lý đã phát sinh mà người tham gia phiên tòa, phiên họp đã chi trả khi đến phiên tòa, phiên họp giải quyết vụ việc, vụ án.

3. Cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm tiếp nhận Hồ sơ đề nghị thanh toán và kiểm tra tính đầy đủ, hợp pháp của hồ sơ. Trường hợp Hồ sơ đề nghị thanh toán chưa đáp ứng theo quy định tại khoản 2 Điều này thì cơ quan tiến hành tố tụng phải thông báo cho người đề nghị thanh toán biết và nêu rõ lý do để bổ sung



*hồ sơ theo quy định. Trường hợp Hồ sơ đề nghị thanh toán đầy đủ, hợp pháp, cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện chi trả chi phí tham gia phiên tòa, phiên họp".*

Trên đây là một số ý kiến góp ý của Tòa án nhân dân tối cao đối với dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục lập dự toán, thanh toán kinh phí chi trả chi phí tố tụng, Tòa án nhân dân tối cao trân trọng gửi Quý Bộ để tổng hợp, xem xét và quyết định./. uy

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Đ/c Chánh án TANDTC (để b/c);
- Lưu: VT.

KT. CHÁNH ÁN  
NHÂN PHÓ CHÁNH ÁN  
  
Nguyễn Quốc Đoàn



Ký bởi: Văn phòng Bộ  
Cơ quan: 28 Trần  
Hưng Đạo  
Thời gian ký:  
21/04/2025 15:40:08

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: M4/TANDTC-PC

V/v đề xuất các nội dung cần quy định  
tại Nghị định của Chính phủ quy định  
chi tiết trình tự, thủ tục lập dự toán,  
thanh toán kinh phí chi trả  
chi phí tố tụng

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2025

Kính gửi: Bộ Tài chính

BỘ TÀI CHÍNH
ĐẾN số: <u>43863</u>
Ngày <u>21-04-2025</u>
Chuyên: <u>Vn, KTN</u>

Thực hiện đề nghị tại Công văn số 2756/BTC-KTN ngày 07/3/2025 của Bộ Tài chính về việc đề xuất các nội dung cần quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục lập dự toán, thanh toán kinh phí chi trả chi phí tố tụng, Tòa án nhân dân tối cao đã tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện các quy định về lập dự toán, thanh toán kinh phí chi trả chi phí tố tụng. Tòa án nhân dân tối cao thông báo kết quả như sau:

**I. Về tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện các quy định về lập dự toán, thanh toán kinh phí chi trả chi phí tố tụng**

**1. Về việc lập dự toán**

Theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, hàng năm, Tòa án nhân dân tối cao thực hiện xây dựng dự toán thu, chi ngân sách nhà nước cho năm sau. Kế hoạch thu, chi ngân sách được lập dựa trên quy định của pháp luật về chế độ, tiêu chuẩn, định mức thu, chi ngân sách nhà nước; việc đánh giá tình hình thực hiện năm trước và mục tiêu, nhiệm vụ của năm lập kế hoạch. Theo đó, dự toán chi phí phục vụ công tác xét xử được xây dựng trên cơ sở số vụ án, vụ việc giải quyết của năm trước năm lập kế hoạch và số vụ, việc dự kiến sẽ giải quyết của năm kế hoạch.

Trong chi phí phục vụ công tác xét xử nêu trên có một số nội dung thuộc chi phí tố tụng như: chi hoạt động trưng cầu giám định, định giá; chi bồi dưỡng ngày nghiên cứu hồ sơ, ngày xét xử cho Hội thẩm nhân dân; chi bồi dưỡng luật sư chỉ định; chi phiên dịch, dịch thuật... Từ ngày 01/7/2025, Pháp lệnh Chi phí tố tụng có hiệu lực, Tòa án nhân dân tối cao sẽ căn cứ vào các chi phí tố tụng được quy định tại Pháp lệnh này để lập dự toán cho những năm sau.

**2. Về việc thanh toán chi phí tố tụng**

- Hiện nay, việc thanh toán chi phí tố tụng trong hệ thống Tòa án nhân dân được thực hiện theo các văn bản gồm:

(1) Nghị định số 81/2014/NĐ-CP ngày 14/8/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh chi phí giám định, định giá; chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch trong tố tụng;

(2) Thông tư số 215/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 hướng dẫn lập dự toán, chấp hành và quyết toán kinh phí trung cầu giám định, định giá, triệu tập người làm chứng, người phiên dịch;

(3) Quyết định số 41/2012/QĐ-TTg ngày 05/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ bồi dưỡng đối với người tham gia phiên tòa, phiên họp giải quyết việc dân sự;

(4) Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật Luật sư

(5) Thông tư số 191/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 12/12/2014 hướng dẫn về thù lao và thanh toán chi phí cho luật sư.

- Về việc thanh toán kinh phí chi trả chi phí tố tụng, qua việc xét duyệt cũng như thẩm định quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm tại các đơn vị dự toán thuộc hệ thống Tòa án nhân dân, việc chi trả chi phí tố tụng được thực hiện cơ bản đúng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Như vậy, về cơ bản việc lập dự toán, thanh toán chi phí tố tụng của Tòa án nhân dân được thực hiện đúng theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

### **3. Khó khăn, vướng mắc**

- Chi phí tố tụng và thù tục thanh toán chi phí tố tụng được quy định ở nhiều văn bản khác nhau, cụ thể: Chi phí cho luật sư, trợ giúp viên pháp lý trong trường hợp chỉ định người bào chữa được quy định trong pháp luật về luật sư, trợ giúp pháp lý; chi phí cho người làm chứng được quy định tại Quyết định số 41/2012/QĐ-TTg và Nghị định số 81/2014/NĐ-CP gây ra khó khăn cho các Tòa án trong việc tra cứu và áp dụng.

- Một số chi phí tố tụng chưa được quy định cụ thể nên cơ quan tiến hành tố tụng không thực hiện được việc thanh toán, thù tục thanh toán không thống nhất như chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, xem xét tại chỗ, chi phí cho người chứng kiến.

## **II. Đề xuất các nội dung cần quy định trong Nghị định**

Pháp lệnh Chi phí tố tụng thay thế Pháp lệnh số 02/2012/UBTVQH13, theo đó Pháp lệnh này quy định chi tiết 09 loại chi phí tố tụng (nhiều hơn Pháp lệnh số 02/2012/UBTVQH13). Do đó, để đảm bảo việc lập dự toán, thanh toán chi phí tố tụng được áp dụng thống nhất, Tòa án nhân dân tối cao đề xuất quy định trong dự thảo Nghị định các nội dung như sau:

(1) Quy định việc lập dự toán, chấp hành và quyết toán kinh phí chi trả chi phí tố tụng theo hướng kế thừa các quy định hiện hành tại Thông tư số 215/TT-BTC ngày 31/12/2015; đồng thời bổ sung quy định về hồ sơ thanh toán, quyết toán kinh phí của cơ quan tiến hành tố tụng đối với chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, xem xét tại chỗ, chi phí cho Hội thẩm, chi phí cho luật sư, trợ giúp viên pháp lý, bào chữa viên nhân dân, chi phí cho người chứng kiến, chi phí ủy thác tư pháp ra nước

ngoài, chi phí tham gia phiên tòa, phiên họp giải quyết vụ việc, vụ án đảm bảo thống nhất với Pháp lệnh Chi phí tố tụng.

(2) Quy định thủ tục thanh toán chi phí tố tụng giữa cơ quan tiến hành tố tụng với cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động tố tụng theo hướng kế thừa quy định về thủ tục thanh toán chi phí giám định, định giá, chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch tại Nghị định số 81/2014/NĐ-CP; đồng thời, quy định thủ tục thanh toán đối với các loại chi phí tố tụng được nêu tại mục (1).

Trên đây là kết quả tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện các quy định về lập dự toán, thanh toán kinh phí chi trả chi phí tố tụng và đề xuất của Tòa án nhân dân tối cao đối với các nội dung cần quy định tại dự thảo Nghị định, trân trọng gửi Bộ Tài chính để tổng hợp.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Chánh án TANDTC (để b/c);
- Lưu: VP, Vụ PC&QLKH (TANDTC)-P2.

**KT. CHÁNH ÁN  
PHÓ CHÁNH ÁN**



**Nguyễn Văn Tiến**

**VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN  
TỐI CAO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1734/VKSTC-V14

Hà Nội, ngày 18 tháng 4 năm 2025

V/v góp ý dự thảo Nghị định của  
Chính phủ về trình tự, thủ tục lập dự toán,  
thanh toán kinh phí chi trả chi phí tổ tụng

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc đáp Công văn số 3699/BTC-KTN ngày 25/3/2025 của Bộ Tài chính về việc tham gia ý kiến đối với dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục lập dự toán, thanh toán kinh phí chi trả chi phí tổ tụng (sau đây viết gọn là dự thảo Nghị định), Viện kiểm sát nhân dân tối cao có một số ý kiến như sau:

1. Theo Pháp lệnh Chi phí tổ tụng số 05/2024/UBTVQH15 ngày 11/12/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các khoản chi phí gồm: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ (Điều 14); Chi phí xem xét tại chỗ (Điều 18); Chi phí định giá tài sản (Điều 21); Chi phí giám định (Điều 33) đều có quy định quét “chi phí khác”. Do vậy, để bảo đảm thống nhất và triển khai thực hiện được đầy đủ, đề nghị bổ sung thêm nội dung “Các khoản chi phí khác có đầy đủ hóa đơn, chứng từ chi theo quy định” tại các điểm a, b, c khoản 3 Điều 3 dự thảo Nghị định để bảo đảm có quy định đối với các khoản chi phí hợp lý trong Nghị định này.

2. Đề nghị bổ sung nội dung “Giấy mời hoặc giấy triệu tập tham gia phiên toà” tại điểm h khoản 3 Điều 3 để bảo đảm phù hợp, thống nhất với các nội dung thanh toán tại điểm a, b, c, đ, e, g Điều 3 của dự thảo Nghị định.

3. Đề nghị bổ sung cụm từ “và các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng khác” vào cuối điểm a khoản 2 Điều 1 của dự thảo Nghị định để bảo đảm đầy đủ do một số lực lượng (như: Bộ đội Biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, Cảnh sát biển) cũng có thẩm quyền trưng cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, đồng thời, để bảo đảm phù hợp với khoản 1 Điều 2 của dự thảo Nghị định về nguồn kinh phí chi trả.

4. Đề nghị chỉnh sửa tên Điều 3 dự thảo Nghị định thành “*Lập dự toán, thanh toán kinh phí chi trả chi phí tổ tụng*” để bảo đảm phù hợp với nội dung của Điều này và phù hợp với tên của dự thảo Nghị định.



Trên đây là ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tối cao đối với dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục lập dự toán, thanh toán kinh phí chi trả chi phí tổ tụng, kính gửi Bộ Tài chính để tổng hợp.//

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Viện trưởng VKSTC (để báo cáo);
- Lưu: VT, V14.

KT. VIỆN TRƯỞNG

PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Hồ Đức Anh